

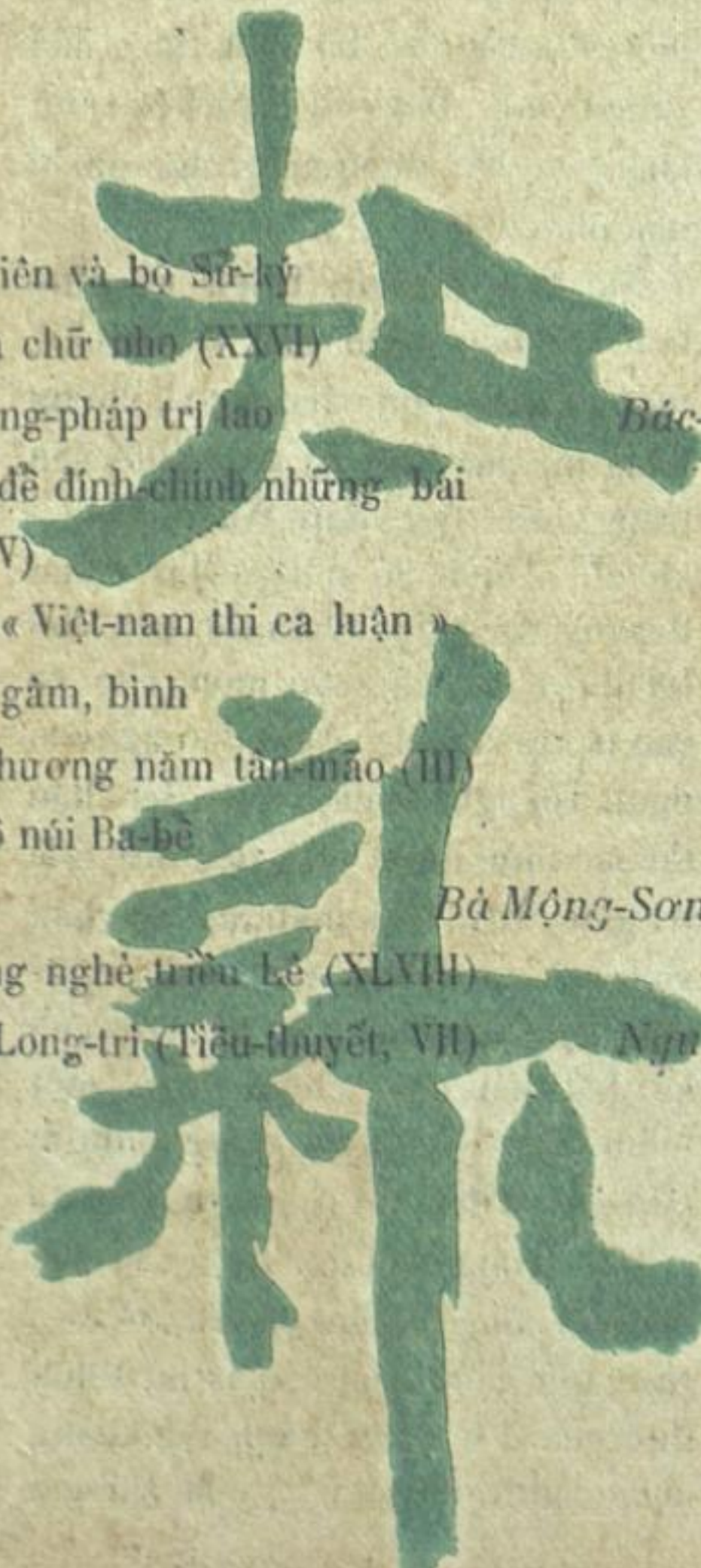
# TRITÂN

## TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

### TRONG SỐ NÀY :

- 
- |                                                     |                                 |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
| * Tư-mã Thiên và bộ Sử-ký                           | <i>Hoa-Bằng</i>                 |
| * Tra nghĩa chữ nho (XXVI)                          | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i>            |
| * Một phương-pháp trị lao                           | <i>Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn</i>       |
| * Tài - liệu đề đình-chính những bài<br>văn cổ (LV) | <i>Ứng-Hòe</i>                  |
| * Phê-bình « Việt-nam thi ca luận »                 | <i>Chu-Thiên</i>                |
| * Thơ qui ngâm, bình                                | <i>Tàng-Vân</i>                 |
| * Khoa thi hương năm tân-mão (III)                  | <i>Tiên-Đàm</i>                 |
| * Bài chỉ hồ núi Ba-bè                              | <i>Nhật-Nham</i>                |
| * Tùy hứng                                          | <i>Bà Mộng-Sơn — Bà Cầm-Lai</i> |
| * Những ông nghề trầu Lẻ (XLVIII)                   | <i>Ứng-Hòe</i>                  |
| * Đêm hội Long-tri (Tiểu-thuyết, VII)               | <i>Nguyễn-huy-Tướng</i>         |

VẤN-ĐỀ SỬ-HỌC

# TU'-MÃ THIÊN VÀ BỘ SỬ'-KÝ

của sử gia trứ danh ấy

HOA - BẢNG

**T**RONG sử-giới Trung-hoa có Tư mã Thiên là tay cự-phách, mà tác-phẩm về loại lịch-sử của Tàu có bộ *Sử-ký* của Thiên là giá trị nhất, nên tôi xin nói riêng trong 1 bài này.

Tư-mã Thiên, tên tự là Tử-trường, sinh ở Long-môn đời Hán. Để làm giàu cho kho tri-thức, Thiên đã đi nhiều nơi: Nam đến Giang, Hoài, bắc tới Vãn, Tứ. Cho nên người ta nói rằng văn-chương Tử-trường có vẻ hùng kỳ, là phần nhiều sở đắc ở du-lịch.

Nhà Tư-mã, từ tổ tiên, đã nối đời nhau làm chức sử-quan, nên cái khiếu sử-học của Tư-mã Thiên không phải là ngẫu nhiên, mà có thể nói là di-truyền được.

Cha là Tư-mã Đàm làm thái-sử-lệnh khoảng niên hiệu Kiến-nguyên (140-134 tr. T.L.), là một nhà học giả cao-vượt hơn người. Khi sắp chết, Đàm có cầm tay Thiên, gạt nước mắt mà troi-trắng: « Tồ-tiên ta làm thái-sử nhà Chu. Nhưng từ đời xưa đã có những đấng tỏ rệt đ rợc công-danh ở lớp nhà Ngu, nhà Hạ: giữ công việc chức thiên-quan. Về sau, giữa vời suy kém, đến ta thì dứt hẳn cái mạch truyền kế! Con lại làm thái-sử thì nối lấy cái gia nghiệp của tổ tiên ta! Nay nhà vua thừa-tiếp quốc-thống nghìn năm, đi phong thần ở Thái-sơn, thế mà ta không được đi theo, cũng là số-mệnh nhĩ! cũng là số-mệnh nhĩ! Ta chết đi, con tất sẽ làm thái-sử. Con làm thái-sử thì đừng quên những cái ta muốn bàn, muôn chép! »

Mấy lời di huấn ấy chắc đã làm cho Thiên cảm động vô hạn!

Đó là một động-cơ rất mạnh đẩy Thiên phải tận-tụy trên đường sử-học sau này.

\*\*\*

Thiên, từ bé, đã có tiếng là người « bất cơ », nghĩa là tài chất cao xa, không có gì ràng-buộc nổi.

Đến tuổi thanh-niên, Thiên nối chức cha, làm thái-sử dưới triều Hán Vũ-đế (140—86 tr. T. L.).

Thiên là người chuyên theo đạo nho, nhưng có cặp mắt sáng-suốt, biết nhìn vào tận bộ mặt thực của xã-hội mà rộng nhặt sử-liệu, chứ không có cái thiên-kiến như nhiều nhà nho khác.

Khi làm thái-sử, Thiên cố-gắng làm hết bổn phận một vị sử-thần, mong không phụ cái chức-vụ thiêng liêng mà vua Hán đã giao-phó, nên trong bức thư đáp Nhậm Thiệu-khanh, Thiên có nói: « May chúa-thượng vì có tiền nhân tôi, nên cho tôi được trở chút tài mọn, cho ra vào trong chỗ túc vệ kin-đáo nghiêm ngặt. Tôi nghĩ rằng đã cam đội chầu thì sao nhìn được trời, nên dứt mối tri-giao với khách-khử, bỏ hẳn sinh-nghiep trong cửa nhà, ngày đêm nghĩ làm hết tài, hết sức của kẻ bất-tiểu này, chăm-chăm một niềm làm việc, mong sao cho được gần-gũi và đẹp lòng chúa thượng... »

Rồi trong bài *Tự-tự* ở *Sử-ký*, Thái-sử công (Thiên) có viết: « Vả, tôi từng giữ chức quan, nếu bỏ thính dực của đời minh-thánh mà không chép, giữ sự-nghiep của thế-gia

công thần và hiền đại-phu mà không thuật, làm hỏng mất những lời nói của tiên-nhân thì còn tội nào lớn hơn nữa! Tôi gọi là thuật lại mọi việc cũ, xếp đặt chỉnh tề các thế-truyện, chứ nào phải sáng-tác đâu. »

Tuy nhắm theo cái đích làm cho nên - trọn chí của cha, nhưng không giống cha ở chỗ chịu ảnh-hưởng của đạo-gia (vì Tư-mã Đàm học đạo luận ở Hoàng-tử), Thiên chỉ riêng tôn nho-giáo, cho là một thứ đạo-học quý nhất của người đời.

Vả Thiên là người đời Hán Võ-đế. Không-khi nho-giáo bấy giờ đương vầy-bọc hết cả mọi lớp người trong xã-hội, nho-học được coi là thứ quốc-học ở đương thời, nên Thiên đã nhuần thấm và cảm-hóa bởi nho-học và đã đi vào tận chỗ sâu nhiệm của lục kinh.

Vậy ta không lấy lạ khi thấy Thiên ôm mối đại vọng là làm *Sử-ký* để tiếp nối với kinh *Xuân-thu*. Ý ấy chính Thiên đã tỏ trong bài *Tự-tự*: « ... Từ khi Chu-công mất, 500 năm thì có Khổng-tử. Sau khi Khổng-tử mất đến nay 500 năm, có ai hay nối cái khoảng đời minh-thịnh mà chánh Dịch-truyện, tiếp *Xuân-thu*, giữ gốc Thi, Thư, Lễ, Nhạc thì chừng ở đây chăng? chừng ở đây chăng? Kẻ tiểu-tử này đâu dám tự khiêm mà nhường công-việc ấy... »

\*\*\*

Nhưng, rồi thay, công-việc lớn-lao ấy đang tiến-hành thì Tư-mã Thiên mắc phải cái oan về việc Lý Lang!

Nguyên Lý Lăng, tự Thiếu-khanh, là cháu Lý Quảng, người Thành-kỷ, làm ky-đô-úy đời Hán Vũ-đế. Với một số bộ-kỵ không đầy năm nghìn, Lăng xông vào nội-địa hung-nô, đánh luôn hơn 10 ngày, giết được quá nửa quân giặc, làm cho bên địch không kịp cứu kẻ chết, dờ kẻ bị thương! Nhưng sau, sức kiệt, đường cùng, Lăng phải hàng giặc.

Tin đó lọt đến Hán-dinh, vua Hán quá đau đớn tức giận. Thế mà trước mặt vua Vũ-đế, sử-gia Tư-mã-Thiên dám can đảm thẳng thắn bênh-vực cho Lý - Lăng : « Lý - Lăng vốn là người nhún nhường, chia ngon-ngọt với sĩ và đại-phu, nếu được người ta giúp sức liệu chết ; dầu danh-tướng đời xưa cũng không hơn Lăng được. Nay thân Lăng tuy hãm trận bị thua, nhưng xem chí Lăng vẫn muốn lập công đền tội để báo-đáp nhà Hán. Việc đã lỡ, không làm sao được mà đến nỗi phải đập gãy thất-bại, song cái công của Lăng cũng đủ giải-tố với thiên-hạ rồi ».

Chẳng dè vua Hán cho thế là Thiên du-thuyết cho Lý-Lăng, làm vu-hoặc nhà vua, bèn khép Thiên vào pháp-luật.

Nhà Thiên nghèo, không đủ tiền của lót dờ luôn đây để chuộc mình ; mà bạn - hữu giao - du không ai cứu-giúp cho cả !

Thế rồi Tư-mã-Thiên bị điệu xuống nhà ngục kín-mít như buồng tắm, phải chịu cái tội rất đau đớn, rất sỉ-nhục là tội hủ-hình, tức là tội bị tiến làm cho thân thể phải tàn-khuyết thối-nát !

Nhà sử bất-hạnh ấy đã cho tội mình phải chịu đó là một

kỷ nhục trong mọi thứ tội khác, vì tội hủ-hình nhục hơn tội bị cắt tay chặt chân, nhục hơn tội bị lột da xả thịt, nhục hơn những tội thích chữ, gọt tóc, cùm xích, đánh đòn...

Đề cật nghĩa cái cơ tại sao mình chịu đeo nhục mà không muốn chết với, Thiên có nói : « Tôi tuy hèn nhát, muốn sống tạm-bợ, nhưng cũng biết rõ cái nghĩa lui tới, chứ sao lại đến nỗi dám đuổi mãi trong cái nhục giam cầm này ? Vả, những kẻ tôi-dời còn biết tự quyết, huống chi tôi lại không bất đắc dĩ làm được sao ? Tôi sở dĩ sống tạm, bị u-tù trong vòng đất bần phan như mà không từ, là vì còn ân-hận rằng lòng riêng chưa tỏ được hết những nỗi bí-lậu, hết kiếp mà vẫn về không nên rứt được với đời sau ! Xưa nay những khách giàu sang, danh phải tiêu-diệt, không biết lâu nhiều mà kẻ, duy có hạng người thẳng-thích phi-thường mới được người ta kể đến ».

Đó lại là một động-cơ nữa thúc-giục Tư-mã-Thiên cố làm cho trọn bộ *Sử ký*.

Thiên đã là con nhà nổi đời làm sử-quan, có thể nhật lược sử-liệu sẵn sàng một cách dễ-dàng ; và từ hồi 20 tuổi, như trên đã nói, Thiên lại đi du-lich nhiều nơi, chừng dè khảo-sát những chỗ địa điểm có quan hệ đến lịch-sử. Phải, « đi một bước đường, học một sàng khôn », chính Thiên đã đến Cối-kê để thăm dấu kiên-nhân thành công của Việt Câu-Tiến, học tập ở đô-thành nước Tề, nước Lỗ để xem xét cái phong-độ còn sót lại của Khổng Trọng-ni. Nói tóm, phẩm những dấu cũ, vết xưa có dính líu

đến cuộc hưng phế của liệt-quốc trước đời Hán, Thiên chừng đã đi khắp lượt cả.

Vừa giàu kho tàng-trải, vừa dày vốn học-thuật, Thiên chẳng những sở-trưởng về môn sử-học, mà cả đến văn - học, triết-học, thiên văn học này khác, Thiên cũng thông-hiểu tất cả. Cho nên, khi hạ bút, Thiên tỏ ra là một tay bác cổ, thông kim, đủ tư-cách ghi-chép mọi sự vật, biết phê-phán công-bằng đối với các học-phái. Xét trong *Bát thư ở Sử-ký*, tức là tám thiên nói về lễ, nhạc, luật, lịch, thiên-quan, phong-thiên, hà - cử, binh-chuẩn, có thể nói tác-giả đã nhật-lược được hầu hết mọi sử-liệu về mặt văn-hóa cũng như về mặt kinh-tế.

Như vậy, sử-gia Tư-mã-Thiên có thể tự hào mà nói : « ...Tôi không biết nhún mình, trộm mượn những lời không hay ho gì mà viết ra, góp nhặt những điều nghe cũ tản - mát trong thiên-hạ, lược khảo mọi việc làm của vương-giả, suy xét đầu cuối, kê-cứu những dấu ghi về mọi cuộc thành, bại, hưng, phế,... làm thành 130 thiên, cũng muốn đề nghiên-cứu cái khoảng trời và người, xem suốt cuộc biến xưa và nay, lập thành thuyết riêng của một nhà... »

\*\*\*

Vậy nội dung bộ *Sử-ký* 130 thiên ấy ra sao, tôi cùng các bạn thử xét qua cho biết đại khái :

Bộ sử của Tư-mã Thiên bắt đầu chép từ Hoàng-đế (2697 tr. Tây-lịch) đến đời Hán-Vũ-đế (140-80 tr. T. L.) đã dang dở hàng hơn 1.000 năm. Số sách cộng được 526. 500 chữ.

(Xem tiếp trang 17)

# TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 26

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

## XIV. — CHỮ PH (bài nối)

Về chữ *phúc*, tôi lược dịch cuốn *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois* của ông Ed. Chavannes như sau này:

Người Tàu và người Nam có năm lối đề tỏ lòng kỳ-vọng và tỏ lòng vui với người có việc vui.

Lối thứ nhất là lối mừng chữ: chữ thọ đề mừng về việc thọ, chữ hỷ đề mừng đám cưới v. v. Ở người Tàu, phàm việc tốt lành đều gọi là hỷ, nên mừng người để con cũng mừng chữ hỷ. Ở nước ta gần đây, thì chữ hỷ chỉ dùng vào việc cưới mà thôi.

Lối thứ hai là lối hội ý. Thí dụ: mừng một lễ-vật có vẽ hay khắc một nén vàng đề chúc người ta giàu có, vẽ quyền sách đề chúc người ta học giỏi, vẽ quả lựu đề chúc người ta đông con, v. v. Lối hội-ý như thế, kẻ cũng dễ hiểu; chỉ khi nào vẽ hay khắc theo điển-tích trong sách thì mới khó, thí-dụ xẽ hay khắc một con kỳ-lân. do điển trong *Kinh Thi*, ở thiên Chu-nam, có bài thứ 11 là bài *Lân chi chi*, ví con cháu họ hàng vua Văn-vương với chân, chán và sừng con kỳ-lân. Bài ấy như sau này: « Lân chi chi, chân chân công-tỷ (nguyên là chữ tử, ở đây phải đọc là tỷ mới đúng vần): hu ta lân hề! Lân chi linh, chân chân công-tính: hu ta lân hề! Lân chi đốc, chân chân công-tộc: hu ta lân hề! » Nghĩa là: « Chán con lân kia,

cũng như con cháu ông vua có đáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! Chán con lân kia, cũng như họ hàng nhà vua có đáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! Sừng con lân kia, cũng như dòng dõi nhà vua có đáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! » Như thế thì một bức thêu hay một đồ sứ, mà vẽ con kỳ-lân là tỏ ý cầu chúc cho người ta được con cháu danh - giá làm nên.

Nhưng lắm khi cũng khó giảng, như con rồng, đầu đầu cũng thấy vẽ, thấy khắc, thấy chạm. Cũng có chỗ vẽ một con hoặc hai con và một cái hình tròn, ta gọi là « lưỡng long châu nguyệt », Tàu gọi là « long hỷ châu », nghĩa là con rồng bốn ngọc châu. Vẽ như thế là mong cho người ta được sự tốt-lành cực-điểm. Tại sao? Tại con rồng là chủ việc mưa; khi đại-hạn người ta thường cầu-đạo; cho nên vẽ con rồng làm biểu-hiệu cho những việc cao-qui và có thế-lực. Còn cái hình tròn, mà người ta gọi là mặt nguyệt hoặc ngọc châu, thì có một nhà khảo-cổ nói rằng: trong hình tròn ấy, có một cái vết như một làn khói; làn khói ấy thường vẽ vào cái trống của Thiên-lôi đánh, bởi chữ lôi lúc đầu viết giống như cái làn khói ở trong hình tròn. Cái hình tròn ấy là « lôi », mà làn khói là mây, chữ gọi là « vân ». Còn như nói tại sao con rồng lại chủ

về việc mưa, thì có nhiều thuyết lắm; ở đây tôi chỉ « tra nghĩa chữ » ho » nên tôi dịch quyền *Từ nguyên* và quyền tự-diễn *Khang-hy* như sau: « Con rồng cơ thể làm ra mây mưa, lợi cho muôn vật, cho nên gọi là nhất trong tứ linh. Con rồng là đầu loài lân-trùng (là loài có vây), có thể biến ra tối hay sáng, nhỏ hay lớn, ngắn hay dài, về tiết xuân - phân thì lên giới, tiết thu-phân thì ẩn dưới vực sâu ».

Lối biểu-hiệu thứ ba là vẽ hoặc khắc một đồ vật gì, lấy tên đồ vật mà đọc lên thành chữ. Như vẽ một cái kích, một cái khánh và một cái như-ý: chữ kích chính nghĩa là một cái binh-khí, đúng tiếng đọc là cách, nghe gần giống với chữ cát là tốt lành; chữ khánh chính nghĩa là nhạc-khí, đồng-âm với chữ khánh là mừng, phúc; còn cái như-ý là một cái đồ bằng ngọc hay bằng vàng làm theo hình cổ chi (kỳ sau sẽ nói). Ba cái hình vẽ ấy đọc là « cát khánh như ý », nghĩa là tốt lành như ý. Một quyền *Liêu-trai chí-dị* cũng in một cái tranh như lối ấy.

Lại những đồ sứ, có cái vẽ một quả bút cắm giữa một cái bánh xe, có cái vẽ một cái hoa sen và một cái sên: bút trong (bánh xe) chữ nho là « bút trung » đọc trạnh ra là « tất trúng », nghĩa là đi thi chắc đỗ. Còn hoa sen chữ là liên, đồng âm với chữ liên là liên; sên là nhạc-khí, tiếng quan thoại đọc giống như chữ thăng (*cheng*) là lên, cho nên người ta ghép cái hoa sen và cái sên lại làm hai chữ « liên thăng »

đề chúc người làm quan được thăng luôn luôn.

Có đồ sứ, đồ thêu, đồ chạm, v. v. vẽ một đỉnh vàng, « nhất đỉnh » và một cái nhu-ý: người ta đọc là « nhất định như ý », nghĩa là chắc-chắn được như-ý.

Vẽ một cái nhu-ý, một cái bình và một cái yên ngựa, là biểu hiệu bốn chữ « bình yên như-ý »; chữ bình là cái bình viết chữ tính bên chữ ngĩa, đồng âm với chữ bình là bằng, chữ yên là yên ngựa, viết chữ cách bên chữ yên, đồng âm với chữ an là yên.

Lối đồng âm dị nghĩa không phải chỉ của Tàu và ta mới có, các nước khác cũng có: như ở Hy-lạp, ngày xưa có cái Liều-hiệu linh-hồn là con bướm, vì chữ hy-lạp *psyché* là linh-hồn đồng âm với chữ *psyché* là tên một thứ bướm bay ban đêm (xem quyển A. Collignon, *Essai sur les monuments grecs et romains relatifs au mythe de Psyché*).

Chữ nho con bướm là điệp (trùng bằng nửa chữ điệp) tiếng quan-thoại đọc giống như chữ diệt (lão trên trỉ dưới, quan-thoại đọc điệp và diệt là *tie*) nghĩa là người già bảy tám mươi. Thế là cũng vẽ một con bướm, mà ở Tàu thì dùng để chúc thọ, ở Hy-lạp thì dùng vẽ việc ái-tình.

Lối biểu-hiệu thứ tư là lối vẽ người. Đồ sứ Tàu thường chấm hai người con trai vui vẻ đi cùng nhau, người ta gọi là « Hòa Hợp lưỡng thần tiên »: một người cầm lá sen là thần Hòa, chữ nho gọi lá sen là hà, quan-thoại đọc là ho giống chữ

hòa; một người cầm cái hộp là thần Hợp, chữ nho gọi hộp là hạp, quan-thoại cũng đọc là ho giống chữ hợp.

Lối thứ năm cũng như lối tư, nhưng chỉ vẽ nhưng đồ biểu hiệu của người trong truyện, chứ không vẽ người. Như hai vị tiên Hòa Hợp, thì chỉ vẽ lá sen và cái hộp, cũng có khi vẽ thêm cái nhu-ý, thành câu « hòa-hợp như-ý ».

Đại-khái về mỹ-thuật, thì người Tàu dùng nhưng loi biểu-hiệu như thế, phan nhiều đề cầu cho người ta được sung-sướng, cho nên chữ phúc, chữ hy, tương thấy thêu hoặc viết sản nhiều lắm.

Vẽ con rồng con phượng cũng là ý chúc như thế, do chữ « long phượng trình tường », nghĩa là con rồng con phượng bày tỏ điềm tốt lành.

Chữ phúc thường vẽ con dơi, vì chữ phúc là con dơi cùng với phúc là sung-sướng, tiếng quan-thoại đều đọc là *phu*. Chữ phát-thủ quan-thoại đọc là *phô* *cheou* (thường viết là *fo cheou*); chữ phô là phát đọc gần giống với chữ *phu* là phúc, cho nên người Tàu bày quả phát-thủ ở dài ngũ quả là ý thế: ta cũng bắt chước.

Tàu và ta cho màu đỏ là sự vui mừng. Con dện đỏ chữ nho gọi là hỷ, đồng âm với chữ hỷ là mừng, nên ngày trước những phong bì viết thư người Tàu hay vẽ một cái hộp mới mở, có con dện sa xuống, bên cạnh bên bốn chữ « khai phong kiến hỷ », mở hộp thấy dện, nghĩa bóng là mở phong thư thấy sự

vui-mừng. Giấy viết thư thì vẽ hai con dện và đề câu thơ « lý đào thềm tiền mỗi nhật song », nghĩa là dện dện trước mặt hiên mỗi lần hai con, nghĩa bóng là sự vui mừng đến như lúc nào cũng đi dơi, hoặc đi nhiều. Câu này lại hẳn với câu phương-ngon Pháp là « không bao giờ một sự khổ-sở lại đến một mình » (*un malheur n'arrive jamais seul*), phai đi dơi.

Vẽ hai con dện thì người ta biết ngay là « song hy »: người Tàu tương cho là « phúc thọ song toàn », nghĩa là chúc cho sự sung-sướng và sự sông lâu đều được đầy-dủ.

(Còn nữa)

Ứng-Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đầu tháng Janvier có bán:

**THU NHÂN**  
**VIỆT NAM**  
(1932 1941)

của

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

Hơn 400 trang gần 40 bức ảnh

Giá bán

Loại thường 4 \$ 25. Loại bouffant

7 \$ Loại vergé barquette crème 20 \$

(Gửi thêm 0 \$ 50 tiền cước)

Bạn nào mua 5 quyển trở lên sẽ được trừ 20 % như các hàng sách

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN

xuất bản

Bolte postale 34 Huế

Y-HỌC THƯỜNG-THỨC

# MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRỊ LAO

mà người bệnh nào cũng phải biết : sự nghỉ ngơi

(cure de repos)

Của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Được săn-sóc thuốc men cẩn-thận, ở nhằm chỗ phong-thờ thích-hợp và trong một bầu không-khí trong-sạch là gặp những điều cần-ích lắm rồi. Nhưng một điều cần-kíp nhất cho người bị lao — đầu họ ở chốn núi cao, nơi đông-bái hay tại thành-thị — là phải **nằm nghỉ**. Nhờ sự thí-nghiệm, các y-sĩ thấy rằng sự làm việc bằng bắp thịt hay trí-tuệ đều có thể làm cho phổi và tim người bị lao phải mệt, cơ-thể phải yếu thêm rồi bệnh phải nặng hơn, vì vi-trùng lao thừa dịp vô trong máu được.

Nhờ sự nghỉ-ngơi mà phổi bệnh bớt làm việc, bớt bị trí kéo, vút-tích trong phổi khỏi bị toét lớn thêm.

Trong những phương-pháp trị lao hiện thời, ta phải đề « sự nghỉ-ngơi » trước hết, vì thiếu nó, người bệnh khó mà mạnh dạn.

Mà phải đầu người bệnh nào cũng nghỉ một cách như nhau : phải tùy thời-kỳ của bệnh. Có khi họ phải nằm im không nên vận-động ; có khi họ có thể làm việc chút đỉnh dặng, rồi lần lần họ có thể làm công việc như hồi chưa bệnh.

**Thế nào là nghỉ ?**

Không phải không làm chi động tri móng tay là nghỉ. Lúc nghỉ, người bệnh không được ngồi, phải nằm yên một chỗ, không nên cựa-quẩy (nếu không cần-thiết), không

nên nói chuyện nhiều, không nên tiếp khách, không nên đọc sách lâu. Họ phải đề trí-não và tinh-thần ngơi-ngỉ. Họ phải quên bỏ những mối lo-phiền, những điều sầu não. Bất trí-não làm việc còn hại hơn là bất các bắp thịt làm việc.

Bởi vậy, lắm khi, người bệnh nên đi xa nhà cho khỏi thấy chuyện cực trí, bận lòng, cho quên hẳn những công ăn việc làm, để tránh những sự có thể làm cho buồn-bã. Họ phải quên tất cả những sự khác, họ chỉ nên quyết một lòng và tưởng một chuyện : TA SẼ MẠNH.

Tự nhiên, sự nằm lâu và không làm chi hết, ngày này qua tháng nọ, là một việc rất khó chịu, nhứt là cho những người đã quen hoạt-động. Vậy phải có việc để làm. Việc làm được là thật chỉ len (tricot), vì ít mệt-nhọc và làm cho giải trí được trong khi nằm nghỉ. Bởi vậy, ở các dưỡng-đường lao bên Pháp, ta thấy nhiều người đàn ông thắt chỉ len khi nằm nghỉ cho khuấy-khoá.

Tuy người bệnh không nên tự đọc lấy sách, như ai đọc cho nghe thì được. Có máy hát hay vô-tuyến-điện truyền thanh thì họ cũng bớt buồn mà cũng vô hại.

**Nằm nghỉ ở đâu ?**

**Nghỉ phải nằm :** khi bệnh đương nặng thì nằm suốt ngày trên giường ; khi bệnh đã bớt, thì nằm trên ghế dài (chaise longue)

Đầu trên giường hay trên ghế dài, người bệnh phải nghỉ như cách vừa nói trên. Nằm mà không có gối càng tốt. Nếu kê hai cẳng giường phía trên người bệnh cao hơn hai cẳng kia một chút thì lại càng tốt, vì người bệnh nằm trên ấy đầu hơi thấp hơn chơn, phổi sẽ làm cho họ thở được dễ-dàng hơn.

Có lúc lương-y cho phép nằm nghỉ trên ghế dài, nhưng nếu người bệnh chịu nằm trên giường thì hay hơn. Ghế dài là ghế bằng gỗ hay mây, mà điều cần nhất là nó phải cho êm, cho vừa, chứ không nên hẹp quá hay vắn quá. Ghế xích-đu (ghế chao) là một vật không nên dùng.

Vả lại, nằm nghỉ trên ghế dài thì không tốt lắm. Người bệnh không được nằm dài, vì đầu họ phải ngóc lên, thành nửa nằm nửa ngồi. Nằm như vậy, phổi chuyển-động khó hơn, ngực khó phình ra khi hít hơi vô, vì lưng hơi khò, vai và đầu bị đẩy tới trước. Vậy nằm trên giường là tốt hơn hết hay là nằm trên « ghế gỗ », thứ ghế chun treo, trên đóng bằng tấm gỗ dài—có người gọi « giường gỗ » — như bên ta thường dùng mà thế cho giường cũng dặng.

Họ phải nằm trong một phòng rộng-rãi, cửa sổ mở toát ra.

(Xem tiếp trang 20)

# Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 55

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV

KIM-VÂN-KIỀU (bài nối)

Tan sương vừa sáng ngày mai.  
Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là «vừa rạng».

Giấy song đã thấy Sở-Khanh  
bước vào.

Đó là theo kinh-bản; các bản khác chép là: «Đầy song đã thấy Sở-Khanh lên vào»,

Lạc đàn mang lấy nợ nần yếm  
anh. Quan-văn-đường và quyền Kim Vân Kiều truyện chủ chép là «Lạc đường».

Lặng nghe lầm-nhầm gặt đầu.  
Quan-văn-đường chép là: «Lặng ngồi ngắm-nghĩa gặt đầu». Quyền chú-thích chép là: «Lặng ngồi nghe nói gặt đầu». Quyền quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là: «Lặng ngồi lầm-nhầm gặt đầu».

Ta đây phải mượn ai đâu mà  
rằng! Quan-văn-đường chép là: «Ta đây nào phải ai đâu mà rằng». Quyền chú-thích và quyền ông Vĩnh đều chép như kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (Đoạn-trường tân-thanh, tờ 28 b) là «phải mượn».

Ba-mươi-sáu chước, chước gì  
là hơn. Quan-văn-đường và quyền chú-thích chép là «lại hơn».

Song đã quá đổi, quản gì được  
thần. Cụ Kiều-oánh-Mậu chua: «chữ đổi phùng-bản viết chữ dứt thì không phải» (Đoạn trường tân-thanh, tờ 28 b).

Đêm thâu khắc vợi canh tàn.  
Cụ Kiều-oánh-Mậu chua: «chữ vợi phùng-bản và kinh-bản đều viết là chữ lậu thì không phải nghĩa».

Lối mòn, lướt-mướt hơi sương.

## Thông chế Pétain đã nói:

«Luật thứ nhất của lòng yêu nước là giữ gìn mỗi thống nhất cho quốc-gia. Nếu ai cũng đòi theo y riêng về nghĩa-vụ yêu nước, thì chẳng làm gì có quê-hương, có quốc-gia, chỉ còn có những đảng phái làm mỗi cho sự tranh-hung tch-kỹ. Lòng người đã li-tán tự nhiên chỉ gây ra nội-loạn, xã-tắc phân chia, huynh-đệ bất hòa».

Các bản chép là «cổ lạt màu sương».

Sở-Khanh đã trể dầy cương lối  
nào. Ông Vĩnh chép là «đã rẽ». Quan-văn-đường chép «đã dắt».

Một đoàn đồ đến trước sau.  
Quyền chú-thích chép là «đưa đến». Ông Vĩnh chép là «đưa đến».

Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu  
lên trời. Quan-văn-đường và quyền chú-thích chép là «dưới đất, trên trời».

Hàm-hằm áp điệu một hơi lại  
nhà. Quan-văn-đường và quyền chú-thích chép là «ầm-ầm».

Uốn lưng thít đồ, cắt đầu  
máu sa.

Quan-văn-đường chép là: «Uốn lưng núi đồ (?), ngóc đầu máu sa»; quyền chú-thích chép là «Uốn lưng núi đồ (?), cắt đầu máu sa». Ông Vĩnh chép là: «Uốn lưng thít đồ, giập đầu máu sa».

Chút lòng trinh bạch từ sau

cũng chưa. Quyền chú-thích chép là «thì chưa»; ông Vĩnh chép là «xin chưa».

Đón rào đến mực, nồng nàn  
mới tha. Ông Vĩnh chép là «gan-gùng đến mực». Bạc-tình nổi tiếng lâu xanh. Quan-văn-đường chép là «Phụ-tình». Không dừng chỉ có chuyện này trò kia. Quan-văn-đường chép là «người này nợ kia»; ông Vĩnh chép là «trò này chuyện kia».

Bớt lời liệu chớ sân-si thiệt đời.  
Quan-văn-đường chép là «Bớt lời thối chớ nói chỉ nước đời»; ông Vĩnh chép là: «Liệu nần-ni, chớ sân-si thiệt đời».

Rằng nghe mới có con nào ở  
đây. Quyền chú-thích chép là: «Mắng nghe rằng có con nào ở đây»; ông Vĩnh chép là: «Nghe đồn rằng»; Quan-văn-đường chép là: «Nhác nghe rằng»; có người đọc là: «Nợ nghe rằng».

Sở Khanh quát mắng dùng  
đùng. Các bản chép là «thét mắng». Phỉnh người giầy xuống giếng khơi. Quan-văn-đường chép là «Đem người giầy xuống giếng khơi»; quyền chú-thích và quyền ông Vĩnh cũng chép là «Đem» nhưng chữ khơi chép là chữ khơi. Cụ Kiều oánh Mậu chua rằng: «Vấn Hàn Dũ có câu «Tể nhân nhập tỉnh, hựu tòng nhi há thạch yền», nghĩa là đẩy người vào giếng, lại theo mà bỏ đá xuống». Chữ khơi nghĩa là sâu, như tiến, bề khơi, vũng khơi. Giếng khơi nghĩa là giếng hoang, giếng cạn không phải nghĩa».

(Xem tiếp trang 19)

hê bình

# VIỆT-NAM THI CA LUẬN

## của Lương Đức Thiệp

CHU - THIÊN viết

Tôi đã được đọc cuốn « Việt-nam thi ca luận » của ông Lương-đức-Thiệp do nhà Khuê-van ở Hanoi xuất-bản. Đây là một cuốn sách lược-luận về thi ca Việt-nam hiện giờ. Với hơn trăm trang giấy, ông Lương-đức-Thiệp đã khéo đưa ta nhận thấy rõ-ràng:

- 1) Nguồn gốc thi-ca Việt-nam.
- 2) Thơ Việt-nam hiện-dại.
- 3) Tính cách thơ Việt-nam xưa.
- 4) Và chủ-trương của ông về thi-ca.

Ở phần nào ông viết cũng rành rẽ, tuy có phần sơ lược, nhưng vẫn đủ cho người xem dễ thấu nhận vì ông đã dựa theo một quan-diểm vững-vàng: lấy thực-tế làm nền tảng, lấy tình-cảm làm mẫu-mực. Ông lại chịu khó nhận xét các nhà thơ hiện giờ qua các tác phẩm của họ, rồi ông chia ra từng phái để định giá họ trên thi-đàn. Về chỗ này, tôi thấy ông ngay thẳng và công-bình hơn phần nhiều nhà phê-bình khác vì cảm-tình mà quá khen hoặc quá chê các nhà thơ đương-thời. Tôi xin đan-cử một đoạn nói về Hàn-mặc-tử (trang 51-54) làm bằng cho lời nói ấy:

«...Cái cảm-giác xiết bao hùng-vĩ chỉ để lại được đôi giọt dầu-vết trong tác-phẩm của ông. Ông không truyền nổi nó sang được văn thơ! Lét toàn-

thê ông (qua những bài thơ), người ta cũng cảm ngay được sản-phẩm của ông còn nhiều « nhân-tạo ». Khi thơ trong ông đâu có dài, nhưng tài nghệ của ông đã bắt lực...

« Chúng ta lấy bình-tĩnh và công bằng mà kết luận: ông cũng chỉ là một thi-sĩ bình-thường. Ông chưa phải một thi-sĩ vĩ-dại, dầu cái đau-khổ của ông vĩ-dại hơn hết tất cả đau-khổ của bao thi-sĩ tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Những thi phẩm của ông về trước thời kỳ ông lâm-bệnh đã chứng tỏ điều xét nhận này. Thi-phẩm của ông gần đây, cũng không phản-đôi điều ấy.

« Biết qua thân-thể ông, biết đến bệnh-hoạn ông, ai không ngậm-ngùi. Nhưng định giá-trị ông, — tức định - giá nghệ-thuật — ta phải vô-tư. Nghĩa bạn bè, cảm-tình ca-nhân đặt vào đây không phải chỗ. Nhu cảm không giúp ta nhìn rõ sự-thực. Và chỉ sự định giá được xác đáng về ông mới nâng nổi giá-trị ông lên thời ».

Thật vậy, chỉ những lời phê-bình xác-dáng mới nâng nổi giá-trị nhà thơ. Con những lời tâng bốc quá đáng, những dư-luận ồn-ào xuyên-tạc, chỉ làm cho độc-giả xa dần. Giữa lúc người ta chực nhận cái chết của Hàn

mà làm cho to chuyện, thì những lời nhận xét trên kia thật cũng đã làm vừa lòng các bạn độc-giả và khiến ta thêm yêu Hàn-mặc-tử hơn trước.

\*\*\*

Nhưng chỗ dụng - công nhất của tác-giả có lẽ ở phần thứ tư. Sau khi tìm nguồn-gốc thi-ca, chia loại và phê phán các phái thơ, và xét tính-cách thi-ca Việt-nam xưa nay, tác-giả đưa ra cái chủ-trương về thơ: Thi-sĩ phải lấy tình-cảm làm trụ cột cho thơ. Những tình - cảm ấy phải thế nào? Nguồn cảm-xúc phải gọi ra theo thực tế và được phóng-túng theo nghệ-thuật. Thi-sĩ phải định lấy một triển-vọng xa vời về nghệ-thuật, và do đây một viễn ảnh rộng-rai về thi-ca.

Ta lại hay nghe tác-giả định nghĩa về thơ:

« Mục đích của thơ hướng về sự phát-huy tất cả năng-khiếu khả cảm của con người toàn-thể. Thơ phải bao gồm các tính cách của Nhạc và Họa. Nó phải luôn luôn tựa trên nền tảng vật-chất: tâm-hồn thi-sĩ, giác quan thi-sĩ và sự vật chung-quan (hoan-cảnh xã-hội và hoan-cảnh thiên-nhiên).

« Nó xa lánh hết thảy ý-niệm tuyệt đối và quan-niệm siêu hình.

(Xem tiếp trang 19)

# THƠ' QUÍ NGÂM, BÌNH

(Đặc trích trong tập "Nam đàn bát châu")

*Tùng-Vân* NGUYỄN-ĐÓN-PHỤC

«Tàu mã khan, hoa.» Đó là lời phàn-nàn những người xem hoa không phải cách. Ôi! ruồi ngựa xem hoa, nhanh thì có nhanh đấy thật, song hỏi đến tinh thần hoa, cốt cách hoa, thái-độ hoa, ý-vị hoa thế nào, thì người ấy chưa tất đã trả lời được, hay là trả lời một cách sai-lạc. Rồi kết-quả đến cuộc phẩm-bình hoa một ngày một thấy sơ-sai học-thuật trồng hoa một ngày một thấy vụng-về, khiến cho làng hoa tịch-mịch ít phần tiến-bộ, sự đó tại ai? Hoa thực như vậy, thơ cũng khác gì. Hoa phải đợi có người xem. Thơ phải đợi có người ngâm bình.

Cách «ngâm thơ» thế nào? — Ngâm đọc một cách giải-dê, có điệu cao điệu thấp, chữ nhạt chữ thưa mà hơi-giọng tiếp-tục, thường có dư-âm, khiến cho tinh-thần thơ, ý-vị thơ phát-hiện ra ở trong khi ngâm đọc. Cách ấy thường dùng về những

khí thông-dong nhân-nhã. Cần phải đọc đi đọc lại hai ba lần; nếu đặc-ý thưởng-thức, thì đọc bao nhiêu lần, cũng chưa chán.

Cách «bình thơ» thế nào? — Cách bình thơ cũng do cách ngâm thơ mà ra. Duy cách bình thơ là dùng về những lúc nghiêm trang, như khi ở trên văn-dàn đối với thầy bạn, đọc lên cho số nhiều người nghe. Cho nên cách đọc phải đường-hoàng võ-vạc, khiến cho ý nghĩa thơ, phẩm-giá thơ tỏ rõ trong khi bình luận.

Cách ngâm thơ, bình thơ cũng phải luyện-tập về lúc bình-nhật mới quen. Nếu tự chốn gia-đình cho đến trường giáo-dục, hoặc bộ câu-lạc, nhất là trên chỗ văn-dàn thường phổ-cập được cái thú ngâm thơ bình thơ, thì thơ tự-nhiên tiến-bộ một cách thông-dong thuần-túy,

chẳng hèn mà nên. Nếu trái lại, tuy có thơ, nhưng không có người ngâm thơ, bình thơ, thì tựa hồ không có thơ; làng thơ tiên-bộ sao được? Nói thế tưởng không phải là quá đáng vậy.

Bởi vì thơ là một vật có cách điệu có thanh âm, nên thông dong gõ lên mà thử, lắng tai mà thưởng. Lại là một vật có tinh-thần, có pháp-độ, có ý-vị, có lý-thú, ưa ngâm-nga, ưa bình-luận.

*Hà-đông* NGUYỄN ĐÓN PHỤC

**Giúp hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ là đưa dân nghèo lên con đường sáng.**

## MỘT CUỘC THI RAT LÝ-THÚ

trong số xuân Tri-Tân 1943 (Quý-mùi)

Các bạn muốn mua vui trong dịp tân xuân?

Các bạn muốn tìm thú tiêu-khiến thanh-tao trong những lúc hoa cười, pháo nổ?

Các bạn muốn tỏ cái ho búng yêu-chuộng thơ văn?

Các bạn nên dự thật đông vào một cuộc thi rất nhã và rất giản dị do TRI-TÂN tổ-chức!

ĐẦU BÀI? — THỀ LỆ?

Xin đón coi ở Số xuân Tri-Tân (Quý-mùi, 1943), các bạn sẽ rõ.

# KHOA THI HƯƠNG NĂM TÂN-MÃO

Tiên-Đàm NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯƠNG

(Tiếp theo)

**V**IỄN tổ họ ấy là Trần-Cần người xã Thái-bạt, huyện Bất-bạt, phủ Quảng-oai, tỉnh Sơn tây, con ông Trần-Văn-Huy, đỗ năm 28 tuổi. Phụng mệnh đi sứ Tàu; năm đầu niên hiệu Cảnh-thống (1498) đời Hiến-Tôn, làm quan Lại-bộ Thượng-thư sung chức đề-diệu. Năm Kỷ-mùi (1499), cha con cùng làm thủ hán; năm Tân-mùi (1511) hiệu Hồng-thuận thứ ba, cháu là Trần-Tuân làm loạn, bị Mỹ-huệ hầu là Trịnh Duy Sản giết, con cháu phải đổi ra họ Đặng di-cư sang làng khác, đỗ đại-khoa rất nhiều.

Một chi ở xa Thượng Yên-quyết, huyện Từ-liêm, là con cháu Đặng công Toán, từ Thượng Yên-quyết một chi sang ở xã Phú-đồng huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh, là con cháu Đặng-công-Chất, một chi ở xã Văn-can, huyện Từ-liêm là họ Lý Trần-Quán và một chi ở Lương-xá huyện Chương-mỹ là chi ông Tân-lý Đặng-Trần-Thường.

Ông Đặng-Trần-Vỹ làm quan đến Tổng-đốc Bắc-ninh về trí-sĩ mới mất được mười năm nay.

Ông cử trẻ tuổi nhất bảng Tân-mão là ông Đặng-Vũ-Hoan, đỗ thứ 50, người làng Hàn'-thiện, huyện Giao-thủy tỉnh Nam-dịnh, năm ấy mới có 22 tuổi, văn bài kỳ đệ tam được bình.

Ông cử nhiều tuổi nhất trong bảng này là ông Nguyễn-hữu-Thu, đỗ thứ 13, người làng Tây-tự, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-dông, năm ấy đã 52 tuổi, kỳ đệ nhất, đệ tam, đệ tứ đều bình.

Xét ra phần đông các quan-lai ở Bắc-Kỳ gần đây là xuất thân ở bảng Tân-mão, nhiều vị làm quan có chính tích hay, có sự nghiệp, đức vọng, văn chương, nếu phải kể từng vị một câu chuyện hơi dài, tôi chỉ xin phép đan cử một vị làm tiêu-biểu là ông: Phạm-văn-Thụ.

Ông Phạm-văn-Thụ là ông cử thứ 33 khoa Tân-mão, trước khoa này ông đã đỗ hai lần tú-tài tức ông Kép. Về sau thi hội, đỗ phó-bảng vào khoa Nhâm-thìn (1892).

Ông là người làng Bạch-sam, phủ Mỹ-hào, tỉnh Hải-dương, khoa ấy 34 tuổi, bài thi kỳ đệ nhị và phúc-hạch được bình.

Các cụ nhà nho kể rằng: lúc thiếu thời ông là một nhà nho thanh-bạch, đi dạy học để lấy lương theo học quan Đốc Tô-Huân, người làng Xuân-cầu, huyện Văn-giang tỉnh Bắc-ninh.

Nhà chủ ông ngồi dạy học có tính sên, đã nuôi thầy dạy học con nhớn, lại còn nhờ thầy trông hộ cả đứa con nhỏ và về mùa gặt hái phơi thóc, thầy đồ phải kiêm cả việc trông thóc ở sân nữa.

Lúc hàn-vi thi thế, mà khi rông mây gặp hội thi là một bậc danh thần:

Trong hoạn trường, ông Phạm-văn-Thụ từng làm Liêm-phóng-sứ phủ Thống-sứ san định luật Gia-long (398 điều), sung tòa tu thư, chủ bút Đông-Văn nhật báo là tờ báo đầu tiên ở Hà-nội, lại còn có nhiều văn chữ Hán, chữ nôm được truyền tụng. Về sau ông lại được triệu về Kinh giữ chức Lễ-Bộ Thượng-thư và lúc về hưu được tấn phong Nam-tước.

Giờ về trên tôi đã kể chuyện một vài ông cử, nay xin phép nói đến các ông tú.

Người đỗ đầu tú-tài khoa Tân-mão là ông Đỗ-Đại, người làng Đại-mão, huyện Siêu-loại tỉnh Bắc-ninh, có chân Ấm-sinh. Sau khi quyền được bộ duyệt lại, ông được lấy thiêm-thủ cử-nhân. Ông Đỗ-Đại du học ở Hà-nội, là học trò cụ Cử Kim-cồ, tính người phóng khoáng, không thích sự bó-buộc, ông lại nói ngọng và hay khôi-hài; có sức khỏe và ăn uống rất giản-dị.

Vốn hàn nho, ông thường nhờ các bạn, nhưng ông lại là một người rất trọng khí-tiết.

Năm Nhâm-gọ (1882) ở Hà-nội có việc binh-cách, trong khi các bạn học bỏ tỉnh thành trốn, ông đã chạy đến phố Hàng-Hải cống thầy học là cụ Cử Kim-cồ chạy ra bờ sông, rồi thuê thuyền đón thầy sang Bắc.

Ông có ra làm giáo-thụ Hoài-đức, mất sớm.

Sau khi hầu chuyện các ngài về thân-thế một vài ông cử, tú, tôi xin giữ lại câu chuyện phóng tâng.

Xương danh chi hậu, các tân-khoa được ăn yến và đi chào các quan tỉnh. Nhân quan kinh-lược sứ Bắc-kỳ lúc ấy là Cụ Hoàng-cao-Khải xuống Nam dự

lễ xướng danh, vốn là người mộ văn học, nên cô ban chung cho các ông cử một bài thơ như sau đây :

*Dực Chấn thiên thu tại,  
Văn chương vạn cổ tồn.  
Nhi kim hoàn hải ngoại,  
Cộng thức lục kinh ngôn.  
Chu nhĩ ca minh lộc,  
Nam trì khoái được còn.  
Thanh vân dương cộng miễn,  
Vô phụ dục tài ân.*

Diễn nôm

*Nghìn thu non nước ấy,  
Muôn thuở bút nghiên này.  
Bốn biển nay tuy rộng,  
Sáu kinh họ cũng hay.  
Hươu Chu ngọt-ngào hát,  
Cá Võ vut-vẻ bay.  
Giấn bước thang mây biể  
Nhớ ơn ai dựng gày ...*

Rồi bà con, anh em, làng nước xuống Nam đón về.

Trên mặt sông, các thuyền Tân-Khoa, có ông cao hứng đã lấy cái biển cót biên tên cầm cạnh lều phúc-hạch, cắm vào mũi thuyền đề khi đến bến, bà con nhận ra mình mà đón tiếp.

Thời thì chè, chén, đàn hát không sao tả hết nổi vui.

Những thí-sĩ con nhà giàu sang, mỗi kỳ được vào đều có tin về cho nhà biết, ngày trước gọi là « chẵn nhời » (vì chưa có giấy thép).

Nhà kia, ở phố Hàng Bè, có một bà lắm bạn cùng một ông đầu xứ tỉnh Bắc-ninh, năm ấy cũng đi thi ; trong khi chung quanh nhà các chị em bàn tán, nhà nọ có người vào, nhà kia có người vào, duy chỉ có nhà mình không có tin-tức gì.

Tháng mười ngày ngán, hàng ế, nghĩ vừa lo, vừa buồn vì chồng bà đã bốn khoa bay kinh-nghĩa, ra đi một tháng chả thấy có tin gì ; trong khi bà đang lo, hết đứng lại ngồi, hết ra lại vào. thì ở đầu lù lù tén vào, tên người nhà gán lều, chiếu, chõng, ống quyền và một cái bồ con cộn mội, còn ông chồng bà—ông đầu-xứ—đi theo sau ngất ngưỡng, bà vội don-đặt lỏi ngay ;

— Thưa ông, đỗ chứ !...

Ông làm thỉnh, không nói gì, chỉ sẽ thò tay vào

bọc rút ra một bánh pháo, rồi đánh diêm đốt vút xuống gầm ghế ngựa.

Thấy thái độ của chồng như vậy, bà vờ không hiểu ra sao, nửa mừng nửa sợ, phần lại sợ pháo cháy áo, vội đứng lên giường hỏi dồn :

— Ô hay ! ông làm gì thế ! thi-cử thế nào ? Ông cười ha-ha.

— Đỗ rồi, ... Đỗ cử-nhân, ... mũ áo trong bồ kia !

Thấy tiếng pháo nổ, hai bên hàng phố đổ đến xem ai ai cũng mừng ông cử, bà cử ; nhưng cái mừng của ba cử chỉ thoảng qua lúc bấy giờ thôi, vì sau hai ba ngày khách khứa, bà đã phai lo chạy tiền cho chồng khao vọng và sắm-sửa các thứ ra làm quan (hoi ay đỗ cử-nhân được đi hậu bồ ngay).

Ấy trong khi bà lo thì ở làng kia bên Bắc-ninh trống giông, cờ mở, mấy ông đàn anh khăn áo tề chỉnh, mấy chú tuần phiên miệng thời tù-và, nách cấp tay thước, ruớc ông tân khoa về vinh quy.

Thế mới biết cái địa vị của bà cử khi xưa, và của bà mệnh phụ khi xưa, các bạn gái đã phải mua bâng một giá rất đắt, nào nuôi chồng an học, nào lo khao vọng, vinh quy, người đời tưởng chị em nào cũng được «võng anh đi trước, võng nàng theo sau» nhưng đó là sự hiếm vì khi trước các bà cử, bà nghè còn phải lo ... lo hết cả các việc thay cho chồng.

Công lao như thế mà đến khi được nên ngôi dài các cô dám quên mình là bà sứ, bà cử đâu ! Cái danh hiệu « bà lớn » một đời khi có người gọi đến vẫn lấy làm ngượng nghịu mà cái mũ áo mệnh phụ của nhà vua có chang cũng chỉ đề mặc một lần trong cả một đời thôi !

Các chị em bạn gái ngày nay, thật đã may hơn và sung sướng hơn các chị em ngày xưa vì có nhiều chị em không phải thắt lưng buộc bụng, buồn bán ngược xuôi, đề nuôi cái ông « dài lưng tốn vải an no lại nằm kia » (5), thế mà ngôi mệnh phụ đường đường nhiều chị em đã được hưởng bằng một cách dễ dàng, phải chăng vì thế mà người đời có câu « làm quan tất » vậy.

Thưa các bà, các ngài,

Trường thi hương Nam-dịnh nay đã dùng là bãi tàu bay, nghĩa trang hội Thiện ở Bắc-kỳ chúng đã đoạn tuyệt với khoa cử từ khoa Ất-mão (1915) khoa thi cuối cùng.

Chuyện khoa-cử đã thuộc về phạm vi lịch sử như

(Xem tiếp trang 14)

# BÀI CHÍ HỒ NÚI BA-BÊ

NHẬT-NHAM

Trong Tri-Tân số 70, tôi đã nói đến tấm bia đá dựng trên bến Keo-sia hồ Ba-bê, một tấm bia vì theo thời-gian, chữ khắc mòn mờ không còn giúp ích gì cho du-khách muốn biết tới lịch-sử Ba hồ được nữa. Nhân thấy trên mặt bia có ghi tên ông Vi-văn-Thượng, — trước làm Tri-châu Chợ-Rã mà hiện thời Tri-phủ tri-sĩ ngay tại châu-ly Chợ-Rã, — nên sau khi về tới Hanoi, tôi viết thơ cho ông nhờ khảo giúp bài bia Ba-bê. Thì may thay! ông còn giữ được nguyên-bản. Vậy xin sao dịch dưới đây để các bạn nhân-lãm và để một khi Chính-phủ thành-tu tại tấm bia hồ Ba-bê được để đường tra-cứu. Tiễn đây xin thành-thực cảm-tạ ông Vi-văn-Thượng.

Diễn Âm

Tam-hải hồ sơn chí

Bắc-kạn tỉnh hoàn thành giai sơn tăng giảm chương điệp. Chúng nhiều la liệt, tỉnh chi tây-bắc, bình vu ký quật, nhi đương chung độc tú, vì sơn-thủy chi nhất đại-quan giả: Tam-hải hồ sơn dã. Tam-hải hà dĩ danh?

— Hồ thủy tương liên, như mã quy hình, cổ danh. Chung đột tiêu sơn viết: Mã-yên-sơn, sơn hữu phật-tự, bất tri tự hà thời-dại? Dĩ bí tai! Sơn dĩ hải thắng, hải khả tiêu, nhi sơn khả ngự. Tạo-vật nhược biệt chữ giai cảnh, dĩ vi du-nhân thiết dã. Hồ đầu hữu động, động chung hữu khê. Phàm do giang nhập hồ giả, tu phiếm chu. Quá thử, thạch bình lương bích, thủy bất ly sơn, thâm nhi bình, khúc nhi quang, quý khắc thần ngoạn, sảo điệp chí hỹ!

Địa cự thuộc. Thái-nguyên tỉnh, Bạch-thông châu; tự tỉnh-ly tán thiết hạn, phủ lệ ư Chợ Rã châu tri, khứ niên xuân, dư lai tư-thở, lạng phương-diện chi-ký, biến lãm sơn xuyên, nhân nhi đắc thắng yên. Phóng chi thổ-nhân; Cổ-lão hữu cáo dư viết:

— « Tương-truyền: Nam - môn thái niên-gian sự dã (tây nhất thiên nhất bách niên tiền hậu). Lê-mạt thập nhĩ quận-công, tiểu bác Hoàng-Lão-Tả bối, quân tuần-tiết vu thử-kim hoàn hồ nhi cư giả, Nam-mẫu xã giả, hoặc Nam môn chi di dân dã. »

Nguyễn văn

泮山而海之殲彼豺狼惟好施一老嫗幸免于禍出得蛟竜化類人形所據焉也湖中數高阜即嫗嘗冒避居之遺蹟焉顧余思之桑田滄海乃或然之天教前之一說固足有所憑信若後之說其事隣於荒誕然能勸善懲惡亦假神道以設教之深意也姑並存之且我國邊疆是最阨要處而黎臣之忠烈則於歷史上有大影響雖無碑誌不可考而迄今憑吊猶想見英雄豪傑之風可共此湖山而俱傳矣况風會日開道路日開昔為盜賊藪今為名勝區而湖之名並顯于世累辰運轉移之勢也定惟國家經理之力也却可惜者此地登臨不尠而題詠則前無古人抑江山若有待耶余於是乎有憾感之不能無言於是乎有誌誌之而不吝己於是乎有詩 黎莫爭波久已平烟雲如昨一湖清休論桑海無窮事見說蛟人有化形劍馬英雄空淨地仙童山水自餘靈祇今臨岸松濤響猶似當年破賊聲 啟定玖年甲子孟春光祿寺少卿北泮省按察使 潘廷槐 題 黔野州知州 常文尚奉誌

Hựu hữu cáo dư viết:

— « Truyền văn cổ thời thị xứ thờ-dân, mỗi thiết lam già hội, giả Phật-dạo dĩ vớng lợi; dân chi bất đức, thiên giáng chi ương: lời oanh, điện siết, vũ tạt, phong cuồng, khoảnh khắc địa hãm, nhất thủy chữ hán

mông dương, sơn nhi hải chi, tiem bỉ sai lang! Duy hiểu thi nhất lão-ầu, hạnh miên vu họa, xuất đắc giao-long hóa lại nhân-hình, sở dự chúc dã. Hồ trung sở cao-phụ, tức ầu đương nhật tị cư chi di-tích yên. »

## 三海湖山誌

北泮省環城皆山層澗潭疊重繞羅列省之西北形尤奇崛而當中獨秀為山水之一大觀者三海湖山也三海何以名湖水相連如馬蹄形故名中突小山曰馬鞍山山有佛寺不知自何辰代異矣哉山以海勝海可撫而山可漁造物若別儲佳境以為遊人設也湖頭有洞洞中有溪凡由江入湖者須泛舟過此石屏兩壁水不離山深而平曲而光鬼刻神頑巧亦至矣地舊屬太原省白通州自省莅新設後甫隸於助野州治去年春余來斯土濫厝方面之寄遍覽山川因而得勝焉訪之土人故老有告余曰相傳南門社頭党村能江一段兩岸沿山一日山忽崩江遂塞上流水淤溢出激成湖口而南門社陸沈蓋自後黎保大年間事也西千而黎末十二郡公勦北黃老左輩均殉節于此今環湖而居者南畝社也或南門之遺民也又有告余曰傳聞古辰是處土民每設藍伽曾假佚道以罔利民之不德天降之殃雷轟電掣兩疾風狂頃刻地陷一水汪

Cổ dư tư chi: tang diên sương hải nãi, hoặc nhiên chi thiên-sổ. Tiễn chi nhất thuyết, cổ túc hữu sở bằng tín. Nhược hậu chi thuyết, kỳ sự lãn ư hoang dân; nhiên năng khuyển thiện trướng ác, điệp giả thần-dạo dĩ thiết giáo chi thâm ý dã. Cổ tịch tồn chi.

Thả, ngã-quốc biên-cương, thị tối ách-yếu xứ. Nhi Lê-thần chi trung-liệt tác ư lịch-sử thượng hữu đại ảnh-hưởng. Tuy cựu vô bi-chí bất khả-khảo; nhi hất kim bằng diếu, do tướng kiến anh-hùng hảo-kiệt chi phong, khả dữ thử hồ sơn nhi câu truyền hĩ. Huống phong-hội nhật khai đạo lộ nhật khai, tích vi đạo tặc tàu, kim vi danh-thắng khu, nhi hồ chi danh ích hiên vu thế-giới. Thời-vận chuyển di chi thế dã; thực duy quốc-gia kinh-ly chi lực dã.

Khước khả tịch giả: thử địa đáng làm bất thiêu, nhi đồ vịnh tác tiên vô cớ-nhân! Ức-giang sơn nhược hữu dĩ gia? Dư ư thị hồ hữu cảm, cảm chi bất năng vô ngôn, ư thị hồ hữu chi, chi chi nhi bất dung dĩ, ư thị hồ hữu thi: Lê, Mạc, tranh ba cử dĩ bình. Yên văn như tác, nhất hồ thanh. Hựu luận tang hải vô cùng sự, Kiến thuyết giao nhân hữu hóa hình. Kiến mã anh-hùng không tĩnh, địa, Tiễn long sơn thủy tự dư linh. Chỉ kim cách ngàn tòng đào hưởng, Do tự đương niên phá tặc thanh!

Khải-Định cửu niên Giáp-tí mạnh xuân Quang-lộc tự-thiếu-khan Bắc-kạn tỉnh An-sát-sứ (Nam-dị Lê-dinh) Phan-Đinh-Hồe nghĩ Chợ-Rã châu Tri-châu Vi Văn Thượng phụng chí.

(Xem tiếp trang 21)

**Khoa thi hương năm Tân-nhão (1891)**

(Tiếp theo trang 11)

« óc khoa cử » vẫn còn trong đám trí-thức hiện kim, cho nên vấn đề khoa cử chưa hẳn đã là một chuyện cỗi-hủ không đáng bàn-đến.

khí trước sĩ phu trong nước chỉ có một lối xuất thân là thi đỗ làm quan, ai có đi qua đường ấy mới gọi là chính-đồ, rồi cả một đời vinh hoa cũng là nhờ ở đấy. Bởi vậy từ trẻ đến già chỉ xu-hướng lối học từ-chương, tầm chương, trích cú, lại còn say mê bằng vàng, bia đá đến nỗi có người long-đong cả một đời không giúp ích được gì cho nhà cho nước cả!

Cổ-nhân cũng đã nhận thấy cái tệ của khoa-cử nên trong Hạnh-Am van-tập, xử sĩ La-Sơn là Nguyễn-Thiếp đã than rằng : « Cái học chân chính thì thất

truyền, người ta đua nhau đồ xô theo thói từ chương, danh lợi ».

Nhưng nếu ta chỉ một mực chê trách khoa-cử chưa hẳn đã là công bình, vì trải qua bao nhiêu triều đại phải chăng nhờ có khoa cử lựa lọc nhân tài đào tạo sĩ-phu mới có những người trợn được tiết tháo, vẹn được cương thường, xa như : Mạc-đĩnh-Chi, Chu-văn-An, Nguyễn-bình-Khiêm, gần như Nguyễn-công-Trứ, Phan-thanh-Giản, Hoàng Diệu thế thì khoa cử không phải là không có ích.

Cho nên khen hay chê là quyền ở công luận, nhưng nên tùy từng trường hợp, trí hướng, tại-người, phải dẫu tại việc qui tội cho khoa cử thì sự phán đoán chưa hẳn đã đúng vậy!

(5) Ở bài phú của ông Bảng Lê-quí-Đôn.

**Phụ lục****Bảng cử nhân khoa Tân-mão (1891) (1)**

- 1) **Đặng trần Vỹ** 27 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Trung tự, nhất nhị bình, tam : ưu, phúc hạch : bình làm quan đến Tổng-Đốc.
- 2) **Lê vỹnh Điện** 44 tuổi, Hà nội, Thanh oai, Hùng giáo, nhất nhị bình, phúc hạnh ưu, đã đỗ hai khoa tú tài sau đỗ tiến-sĩ.
- 3) **Trần huy Côn** 25 tuổi, Bắc ninh, Gia lâm, Bản trường bốn kỳ đều bình.
- 4) **Phạm duy Du** 37 tuổi, Thái bình, Quỳnh côi, Càn bản, nhất, tam, tứ bình. có chân ấq-sinh, hai khoa tú tài.
- 5) **Nguyễn ngọc Du** 33 tuổi, Nam-định, Giao thủy, Vũ lao, nhất bình, phúc hạch ưu, có chân tú tài.
- 6) **Nguyễn Trác** 43 tuổi, Bắc ninh, Đông ngạn, Niêm xá, nhất, tam, tứ bình.
- 7) **Ngô giáp Đậu** 39 tuổi, Hà nội, Thanh oai, Tả thanh oai, nhất, tam, tứ bình, làm quan đến đốc học.
- 8) **Trần Mỹ** 31 tuổi, Hải dương, Vĩnh bảo. Cổ am nhất, nhị bình, phúc hạch bình, có chân tú tài, làm quan đến tuần phủ.
- 9) **Nguyễn xuân Khởi** 49 tuổi, Ninh bình An kị ánh, Công thủy, nhị, tam tứ bình
- 10) **Nguyễn triết Thành** 36 tuổi, Hà nội, Thanh tri, Thịnh liệt giáp tứ, nhất, tam, tứ bình.
- 11) **Vũ duy Đé** 43 tuổi, Hải dương, Năng an, Mộ trạch nhất, nhị, phúc hạch bình, làm quan đến tri phủ.
- 12) **Bùi Bành** 24 tuổi, Hà nội, Thanh tri, Thịnh liệt giáp nhị, tam, tứ bình, có chân tú tài, làm quan đến tuần phủ.
- 13) **Nguyễn hữu Thu** 52 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Tây tự nhất, tam tứ bình.
- 14) **Vũ hữu Thức** 28 tuổi, Hà nội, Từ liêm, An lộ, đệ nhất ưu.
- 15) **Nguyễn chí Đạo** 33 tuổi, Bắc ninh, Tiên du, Nội duệ, đệ nhất ưu, làm quan đến án-sát.
- 16) **Đặng hữu Hách**, 28 tuổi, Nam-định, Giao thủy. Hành thiện, nhất, nhị bình.
- 17) **Trần Thông** 43 tuổi, Sơn tây, An sơn, Thượng hiệp nhất, tam bình, đã đỗ hai khoa tú tài.
- 18) **Ngô văn Bình** 38 tuổi, Bắc-Ninh, Đông ngạn, Lộc hà nhị, tam bình, có chân tú tài.
- 19) **Liễu ngọc Quang** 34 tuổi, Hà nội, Thượng phúc Nhị Khê nhất tam bình.
- 20) **Nguyễn huy Nhuận** 32 tuổi, Bắc ninh, Đông ngạn, Dục tú nhất, nhị bình.

- 21) *Phạm văn Khang* 34 tuổi, Hải dương, Tứ kỳ, An lạc nhất, nhị bình.
- 22) *Nguyễn hữu Ích* 33 tuổi, Hà nội, Từ liêm Tây mỗ, nhất, nhị bình, làm quan đến tuần-phủ.
- 23) *Nguyễn đạo Quán* 25 tuổi, Bắc ninh, Văn giang, Xuân cầu, nhất, nhị bình, sau thi hội đỗ phó-bảng làm quan đến thương tá.
- 24) *Nguyễn Toại* (Tụy?) 33 tuổi, Hà-nội Thượng phúc, Nhị Khê, nhất bình, phúc hạch bình.
- 25) *Phạm hữu Thanh* 42 tuổi, Nam-định, Vụ bản, Trung phủ, nhất nhị bình, có chân tú-tài.
- 26) *Vũ như Lương* 26 tuổi, Hải-dương, Năng an, Phù Khê, tam tứ bình.
- 27) *Phạm hữu Hoán* 35 tuổi, Hải-dương, Năng an, Lương ngọc, tam tứ bình, có chân tú-tài.
- 28) *Nguyễn hữu Thái* 34 tuổi, Hà-nội, Từ liêm, Mai-dịch, nhất tam bình.
- 29) *Lý ấp Mai* 37 tuổi, Hà-nội, Thanh-oai, Đại định Đan thềm, nhất tam bình, đã đỗ hai khoa tú tài làm quan đến tri-huyện.
- 30) *Đào sĩ Vưu* 49 tuổi, Hải-dương, Vĩnh bảo, Cồ am, nhất bình, phúc hạch bình.
- 31) *Bùi duy Hòe* 26 tuổi, Hải-dương, Vĩnh bảo, Cồ am, nhất bình, phúc hạch bình.
- 32) *Phạm văn Thụ* 34 tuổi, Hải-dương, Mỹ hảo, Bạch sam, nhị bình, phúc hạch bình, đã đỗ hai khoa tú tài sau đỗ phó bảng làm quan đến thượng-thư.
- 33) *Phạm Trà* 34 tuổi, Hà-nội, Thanh oai, Đại-định, nhất nhị bình.
- 34) *Vũ đức Đản* 29 tuổi, Nam-định, Giao thủy, Hành thiện tam tứ bình có chân tú-tài.
- 35) *Nguyễn văn Chi* 34 tuổi, Sơn tây, Thạch thất, Hương ngải, tam bình, phúc hạch bình, có chân tú-tài.
- 36) *Phó huy Nhu* 33 tuổi, Bắc-ninh, Văn giang, Đa ngư, nhất, nhị bình, có cửu phẩm văn-giai.
- 37) *Phạm Chúc* 36 tuổi, Ninh-bình, An khánh, Hiếu thiện, nhị tam bình.
- 38) *Lê văn Ấn* 46 tuổi, Nam-định, Nam trực, Hưng-nghĩa, tam tứ bình, có chân tú-tài.
- 39) *Tạ văn Cán*, 39 tuổi, Hà-nội, Đan phượng, Thu quế, nhất bình, phúc hạch bình, sau thi hội đỗ tiến-sĩ.
- 40) *Nguyễn Chấn* 39 tuổi, Hà-nội, Thượng phúc, Hoàn phúc, Lộc dư, nhất bình phúc hạch bình.
- 41) *Lê đình Lục* 24 tuổi, Sơn tây, An sơn, Cấn xá, nhất nhị bình làm quan đến án-sát.
- 42) *Nguyễn đình Chuẩn* 23 tuổi, Hải-dương, Mỹ hảo, Phù ủng, nhất bình, phúc hạch bình, có chân tú tài làm quan đến tuần phủ.
- 43) *Nguyễn Soạn* 43 tuổi, Hưng hóa, Thanh thủy, Thạch đồng, đệ tam bình.
- 44) *Nguyễn Nhuận* 44 tuổi, Hà-nội, Từ-liêm, An lăng, đệ tam bình.
- 45) *Nguyễn như Quán* 39 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Duyên trường, đệ tam bình.
- 46) *Đỗ dự Trám* 37 tuổi, Nam định, Giao thủy, Hải huyết tứ thôn, đệ tam bình.
- 47) *Lê văn Tảo* 24 tuổi, Thái bình, Thanh quan, Thượng tâm, đệ tam bình, có chân tú tài làm quan đến án-sát.
- 48) *Phạm xuân Hòa* 28 tuổi, Thái bình, Trực định, Vũ lang, đệ tam bình.
- 49) *Nguyễn Quyền* 35 tuổi, Hà nội, Sơn lăng, Quảng nguyên, đệ tam bình, có chân viên-tử làm quan đến huấn-đạo.
- 50) *Đặng vũ Hoan* 22 tuổi, Nam định, Giao thủy, Hành thiện, đệ tam bình.
- 51) *Phó thành Tư* 35 tuổi, Bắc ninh, Văn giang, Đa ngư, đệ nhị bình, có cửu phẩm văn giai.
- 52) *Phạm huy Ngọc* 52 tuổi, Thái bình, Thư trì, Mỹ bông, đệ nhị bình, có chân tú-tài.
- 53) *Trần xuân Dục* 32 tuổi Nam định, Trực ninh, Duyên làng, đệ tam bình.
- 54) *Vũ xuân Du* 33 tuổi Nam định, Trực ninh, Doanh hạ thôn, đệ nhị bình.
- 55) *Phan đắc Tuấn* 33 tuổi, Thái bình, Vũ tiên, Tống vũ, đệ nhị bình.
- 56) *Trần bình Hành* 34 tuổi, Nam định, Vụ bản, Tiên hương, đệ nhị bình.
- 57) *Nguyễn San* 23 tuổi, Bắc ninh, Vũ giang, Thị cầu, đệ nhị bình.
- 58) *Nguyễn Sĩ* 37 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Duyên trường, đệ nhị bình.
- 59) *Phạm xuân Khanh* 43 tuổi, Thái bình, Trực định, Nam huân, đệ nhất bình.
- 60) *Nguyễn Nhạ* 31 tuổi, Bắc ninh, Tiên du, Hoà; bảo thượng thôn, đệ nhất bình, có chân tú tài làm quan đến Tri huyện.
- 61) *Nguyễn duy Doan*, 27 tuổi, Hà nội, Đan phượng, Sơn đồng, đệ nhị bình.

TÙY HÙNG**Rừng sớm**

Mây phong trắng một rừng thu,  
 Nắng gieo đỉnh núi, gió ru chân đồi.  
 Lau ngàn lá lướt bên soi,  
 Tiếng chim riu-rít phương trời mộng-thơ.

**Rừng chiều**

Non tây, đứng rũ ánh vàng,  
 Sương chiều buông lạnh một làn trắng phau.  
 Chim rừng vỗ cánh bay mau,  
 Giòng sông man-mác, ngàn lau xạc-xào.

**Rừng đêm**

Mờ-mờ khói tỏa rừng cây,  
 Hơi thu hiu-hắt, ánh mây lạnh-lùng.  
 Vẳng teo nước lặng, non eùng,  
 Nửa đêm mưa gió một vùng hoang-thôn.

Bà MỘNG-SƠN

**Đường làng**

Nhỏ hẹp đường làng cát trắng phau,  
 Viên xanh nếp cỏ dịu êm màu.  
 Nắng tỏ vàng nhạt lẫn men loáng,  
 Phản ánh, đường tung những hạt châu.

\*\*

Lòng đã từng ghi muôn dấu chân.  
 Cửa bao thôn-nữ sống chuyện cần.  
 Tảo-tần khuya sớm quên sương gió,  
 Quên cả đời riêng một suối xuân.

Bà CẦM-LAI

**Ông Nghè thúng tám**

Cân-đai ra dáng bậc văn-thần,  
 Cờ biển ơn vua rạng tấm thân.  
 Bìa đá, bảng vàng nên vẻ quý,  
 Hình nan, áo giấy rẻ vô ngần.

VÂN-THẠCH

62) Phạm-Diễm 29 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Đông phủ liệt, đệ nhất bình, làm quan đến tri phủ.

63) Trần văn Tác 46 tuổi, Thái bình, Thụy anh, Hồ đội, đệ tam bình - phúc hạnh bình, đỗ ba khoa tú tài.

64) Nguyễn quang Mậu 24 tuổi, Nam định, Nam trực, Tang trử, nhất, nhị, tam bình.

65) Nguyễn huy Bích 39 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Vạn phúc, đệ nhất bình, đã đỗ hai khoa tú tài

**Năm ng rời lấy thiêm thủ cử nhân**

66) Đỗ Đại Bắc ninh, Siêu loại, Đại mảo có chân ấm-sinh, làm quan đến Giáo thụ.

67) Vũ thiện Đề Nam định, Giao thủy, Bách cốc, về sau thi hội đỗ phó bảng làm quan đến tuần phủ.

68) Nguyễn duy Nhiếp Hanoi Thanh trì, Kim lữ làm quan đến án-sát.

69) Vũ tiến Cơ Thái bình, Trực nội.

70) Nguyễn văn Thụy Hưng-yên, Viên-quang.

Bảng cử-nhân này chúng tôi theo các tài-liệu đã sưu-tầm được, chắc còn nhiều chỗ sơ lược, và thiếu thốn, mong các ngài là con cháu các cụ ở trên đình-chính cho — Vạn tạ.

Muốn làm giàu, mua vé số

**Đông-Phap**

1p.00 một vé

**Tư mã Thiên...**

(Tiếp theo trang 3)

12 *bản kỷ*, trong chép về lịch sử và công việc các đế-vương (tức là từ Hoàng-đế đến Hán-Vũ).

10 *niên biểu*, trong có ghi năm và tháng, so sánh những việc cùng thời hay khác đời, bày tỏ những niên đại có quan hệ đến lịch-sử.

8 *thư*, trong chép về những loại nhu lễ nhạc thêm bớt, luật lịch đời thay, binh quyền xếp đặt, núi sông hiểm dễ, và sự giao thông giữa người cùng trời và quỷ thần, tóm lại là những việc có liên lạc đến chính sự, đến kinh tế.

30 *thế gia*, chép về thế-hệ các nhà công hầu là những bày tôi chân tay vừa-giúp nhà vua, ví như nhĩ thập bát tú châu sao Bắc-thần, 30 tay-hoa chung vào một ổ trục xe.

70 *liệt truyện*, chép về kẻ sĩ và thứ dân biểu-dương những người tài đức nhân thời thế, giúp đại nghĩa, lập công danh giữa thiên-hạ.

Tác-giả *Sử-ký* có những chỗ trác tuyệt như liệt Khổng-tử vào *thế-gia*, kê Hạng Vũ vào *bản kỷ*, tỏ ra cân lạng công bình, không luận người theo chỗ thành, bại.

Nhưng tựu trung cũng có một vài khuyết-diểm như suy-lính về

thời-đại và niên-thứ còn có chỗ chưa đúng. Và sử-gia Tư-mã Thiên cũng không tranh khỏi cái khuynh hướng về chủ-quan, coi lịch-sử có một tính-cách: dùng đề dạy dỗ người đời, huyền lạnh, ran dũ...

\*\*\*

Dưới đây tôi xin giới-thiệu những lời của mấy học-giả phê-bình về Tư-mã Thiên :

1) Phép chép của Thái-sử công : ý tro thì sâu xa, kỹ-thuật thì dai dẳng-dặc, mẫu-nhiệm mà tỏ-rõ, ngừng-dứt mà liên-nối, chính-thường mà quyền biến ; van đặt ở đây mà ý nẩy ở kia, như cá rồng biến-hóa, không thể dò tìm tung-tích được — *Lã Tò-Khiêm* (*Sử ký bình lâm*).

2) Sau Khuất-Nguyên và Tống-Ngọc, có văn Tu-mã Tử-trường là hồn-phác nghiêm-túc, cuộn-cuộn như sông dài, thăm-thẳm như hang lớn, dò không cùng, tóm không hết, chất chứa được trăm nhà, bao-gồm được muôn thừa. — *Mao Khôn* (*Sử ký bình lâm*).

3) Kiến-thực ông cao xa, qui-mô ông rộng rãi, ngay trong các sử-gia Thái lầy, thật tôi cũng chưa thấy tay địch-thủ nào hơn ông được. — *Độ-biên Tú-Phương* (*Trung-*

*quốc triết học sử khái luận*).

4) Ông là một nhà đại lịch-sử thiên-tài, xưa nay ít thấy. — *Cò-Thực* (*Trung-quốc văn-học sử đại cương*).

HOA-BÀNG

**Đính chính**

về bài NGÔI MA HOANG đang T.T. số 75

Trang 19, cột 1, giòng 23 : — doanh hư tiên trương, xin chữa : doanh hư tiêu trương.

Trang 19, cột 2, giòng 36 : — chúng tôi biết ngạc nhiên, xin chữa : chúng tôi hết ngạc nhiên.

Trang 20, cột 1, giòng 3 và 9 : — Lê quang Thiệu, xin chữa : Lê quang Chiêu.

Trang 20, cột 1, giòng 31 : — phật chủ tôi khá, xin chữa : phật chủ tôi khá.

Trang 20, cột 1, giòng 44 : — che đập, xin chữa : che dầy.

Trang 20, cột 2, giòng 5 : — lễ kiêu trung, xin chữa : lễ kiên trung

Trang 20, cột 2, giòng 36 : — câu chốt của Cử Trĩ làm một ý nghĩa, xin chữa : câu chốt của Cử Trĩ hàm một ý nghĩa.

Trang 20, cột 2, giòng 41 : — thi sĩ tiếp tháo, xin chữa : thi sĩ tiết tháo.

Trang 20, cột 2, giòng 43, suốt vàng sâu thăm, xin chữa : suốt vàng sâu thăm.

\* Muốn rõ những bài vở rất công phu của những cây bút có danh khắp ba kỳ ?

\* Muốn chơi một tấm phụ bản nhất thi nhất họa do mấy danh-sĩ đồng phương chế-tạo ?

\* Muốn dự một cuộc thi rất lý-thủ trên đàn văn ?

Các bạn hãy cố kiếm mà đọc kỹ :

**Sở xuân TRI-TÂN 1943 (Quý-mùi)**

do hai họa-sĩ TRỊNH-VÂN, NGUYỄN-VĂN-TY vẽ và trình-bày

## BIA VĂN-MIẾU

# NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 48

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

**K**HOA mậu - tuất, năm 1478, hiệu Hồng-đức thứ chín đời vua Lê Thánh-tôn, đỗ đệ tam giáp, đồng tiến - sĩ xuất - thân, năm-mười người :

1. — Nguyễn-Hiến, người xã Đông - xuất, huyện Đông - ngán phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc, nay là Bắc-ninh. Làm quan đến thị-lang. Là tăng-tổ Nguyễn - chỉ-Công, đỗ năm Thuần-phúc (1565) nhà Mạc (chép theo *Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 23b, quyền 2 tờ 47b, và *Đăng khoa bị khảo*, quyền Kinh-bắc, tờ 27b).

2. — Đào-cảnh - Huống, người xã Phán-thủy, huyện Kim động, phủ Khoái-châu, tỉnh Sơn nam. Năm bốn mươi nhăm tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1478. Làm quan đến Lễ bộ tả thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyền 1 tờ 23b, *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 66a).

3. — Nguyễn dương Kỳ, người xã Cao duệ, huyện Trường tân, nay là huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm Sơn-nam-đạo giám-sát ngự-sử. Năm binh-thìn 1496 tâu vua Lê Thánh-tôn xin những quan-lại ở các châu huyện biên-thủy, ai quen thủy thổ, am hiểu tục Mường, cho làm quan lại châu huyện sở tại. Vua cho lời tâu ấy là phải, đem thị-hành. Lần lần thăng đến (thị-lang *Đăng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 36a và b).

4. — Quách-Tán, người xã Phù-đàm, sau đổi là Phù-kê huyện Đông-ngàn phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Năm hai mươi bảy tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất, 1478. Mùa đông năm binh-ngọ 1486 sung chức phó sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Sau lại đi sứ một lần nữa. Làm quan đến Hàn-lâm. Sinh ra Quách-Điền, đỗ khoa át-sử năm Đoan-khánh thứ nhất, 1505 (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 23b, quyền 2, tờ 3a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyền Kinh-bắc tờ 27b).

5. — Nguyễn-khánh-Dung, người xã Cao-mật (Tả Thauh-oai, phủ Ứng thiên, tỉnh Sơn-nam. Làm quan đến Quốc tử giám tế tửu (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 23b, *Đăng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 34a).

6. — Doãn hoành Tuấn, người xã Yên duyên, huyện Thượng phúc, phủ Thường tín, tỉnh Sơn nam. Làm quan đến thượng thư. Là bác Doãn mậu Khôi, đỗ khoa nhâm tuất năm 1502 ; là tăng tổ Doãn Đàm, đỗ khoa binh tuất năm 1586 (*Đăng khoa lục*, quyền 1, tờ 23 b, 52b, quyền 2 tờ 60 a. Mùa đông năm canh-tý 1480, phụng mệnh sung chức phó sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyền 23, tờ 32-33, chép việc đi cống như sau : « Trước năm 1480, vua Lê Thánh tôn, vì thấy giáp côi

có bọn sơn man xâm nhiễu ngoài biên, sai Hoàng thế Cung đến châu Bằng tường đề dò thám. Tri châu châu Bằng tường là Lý quảng Ninh bắt Hoàng thế Cung. — Chức tổng binh đồng tri ở Bắc bình là Trần Ao lấy cơ ruộng ở ban động giáp địa giới châu Tư lang, sai chức liệt hiệu là Đào phu Hoán đem sáu trăm quân mở cửa ải Thông quang (ở xã Quang lang, châu Ôn, nay đổi là đồn Quang lang) giồng cọc chắn lại, đề phân biệt giới hạn, bị thổ tù nhà Minh là La Truyên đánh phá đốt cọc. — Lại trấn thủ Lạng sơn là Lưu doãn Trực tâu rằng : Người ở châu Tư lang nhà Minh kéo vào địa giới châu Lộc bình cướp trâu bò của cải, quân thú bị là Lê đình Hoán không kiềm chế nổi. — Lê Niệm và Lê thọ Vực bàn rằng :

« Kể kia quen thói cũ xâm lấn cướp bóc những biên dân của ta, nên sai quan trấn Lạng sơn làm điệp đưa sang châu Tư lang trách về việc không chịu ngăn cấm nhân dân đề dân vượt qua biên cảnh cướp bóc. Lại làm tờ kê rõ đầu đuôi về những việc đốt cọc và cướp bóc, nhân tới kỳ đi sứ, đem trình tống đốc lưỡng quảng khám hỏi ». — Gặp bấy giờ vua nhà Minh có sắc rằng : « Gần đây nhận được lời của trấn - thủ Văn-nam nói : An-nam quốc-vương vô cớ đem binh mã đánh giết Lão-quá, lại đánh Bát-bách tức - phụ, quốc-vương, nếu biết những việc làm trước là lỗi, nên chóng lui quân ». (Trong quyền *Thiên-hạ quận quốc lợi-binh toàn-thư* chép Bát-bách tức-phụ là tên dợ (dịch danh). Đời truyền từ-trưởng nó

có tám trăm vợ, mỗi người giữ một trại, nhân thế đặt tên. Đầu đời Nguyên, 1280, đặt Bát-bách tuyên úy-ty. Đời Minh, hiệu Hồng-vũ thứ hai mươi bốn, 1391 tù trưởng nó đến cống Tàu, bèn lập Bát-bách đại-diện tuyên úy sứ-ty. Đến đời Gia-tĩnh, 1522-1566, bị mất về nước Diên-diện) — Vua Lê Thánh-tôn đem sắc của vua Minh bảo cho quần-thần biết. Lũ Lê-thọ-vực bảo là nên quyền từ đề phúc tấu như thế này :

« Vì có người ở Đông quan trốn sang Lão-quá cho nên đem quân đến cõi, bắt người Lão-quá đi tịm, còn xứ Bát-bách thì nước Nam không động đến ». Vua bèn sai Hàn lâm thị thư là Lương thế Vinh soạn những biểu văn phúc tấu và đem những việc La truyền đốt phá cọc và việc Lý-quảng-Ninh bắt sai-nhân của ta tư sang cho Tàu biết rõ. Vua sai Nguyễn-văn-Chất, Doãn-hoành-Tuấn và Vũ-đuy-Giáo sung chức chánh phó sứ về việc tuế-cống, đem những biểu văn phúc-tấu và tư-di ấy, tùy khoản ứng đối. Lúc bấy giờ phàm những giấy má về việc bang-giao, trước sai quan Hàn-lâm nghị-soạn, rồi đưa xuống Đồng-các đình-thần kiểm- duyệt, nếu có chỗ nào chưa

hợp, liền sửa đổi. Người Minh thường khen, cho nước ta vẫn có người giỏi ».

(Còn nữa)

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Tại liệu đính chính những bài văn cũ

(Tiếp theo trang 7)

Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương. Cụ Kiều oán Mầu chua rằng : « Kinh bản chép là « Ai ai cũng gớm mặt người vô lương », nhưng cụ không theo.

Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong. Quyền chủ thích chép là « gió mát giăng trong ». Cụ Kiều oán Mầu nói « nguyệt sáng, gương trong » do chữ « nguyệt minh như kính » nghĩa là mặt giăng sáng như gương, đề nói tuần rằm.

Nàng rằng « Mưa gió giập riu ». Các bản chép là « dấp-đu ». Mụ rằng : « Ai cũng như ai, « Bồng dưng ai mất tiền hoài đến đây ! » Các bản chép là « Người ta ai mất tiền hoài đến đây ». Cụ Kiều-oánh-Mầu chua « chữ ai trên trở vào nhà thanh-lâu, chữ ai thứ hai trở vào con nhà tử-tế, chữ ai câu dưới trở vào khách làng chơi ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Việt nam thi ca luận

(tiếp theo trang 8)

« Nó phải là sự hòa-hợp bằng thanh-âm và màu-sắc, giữa tâm hồn thi-sĩ và sự-vật, hay là sự phát lộ hoàn-toàn của « con người tình cảm » trong ta, dưới một hình thức nghệ-thuật.

« Nó cũng phải thu gồm tính cách thuần-tuý của một nghệ-thuật dưới một hình thức hết sức tổng-hợp... » (trang 97).

Như thế rồi, thơ còn phải hết sức sáng và tổng hợp.

« Thơ không có « Mới », có « Cũ ». Nó chỉ hay và không hay thôi. Nó có đạt tới nghệ-thuật hay không thôi. Quan-hệ ở điểm đó » (trang 67).

Thật là một lời nói tâm-can của một kẻ yêu thơ, đã được đưa ra ngoài trào lưu mà nhận xét.

Sau khi phong trào « thơ-mới » đã tắt hẳn rồi, những bạn thích thơ, những người muốn nghiên cứu về thi ca Việt-nam, đang mong-mỏi có một cuộc kiểm-diểm lại tất cả các xu-hướng của các nhà thơ hiện đại trên con đường tiến hóa của nghệ thuật. Trường quyền sách mỏng này cũng có thể mang lại cho các bạn ít nhiều thỏa-mãn.

CHU-THIÊN

## CÙNG CÁC NHÀ ĐẠI LÝ

Về số Xuân 1943 (Quý Mùi) vì chúng tôi in có hạn nên chúng tôi mong các đại lý gửi thư về lấy đủ số bán. Nhưng số báo còn, chúng tôi không nhận trả lại. Vậy các đại lý nên lưu ý mà gửi thư về ngay cho biết.

## Giá báo

|         |         |
|---------|---------|
| Mỗi số  | 0 \$ 20 |
| 1 năm   | 8 50    |
| 6 tháng | 4 50    |
| 3 tháng | 2 35    |

Công sở giá gấp đôi  
Mua báo xin giá tiền trước

## MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRỊ LAO (Tiếp theo trang 6)

**Người bệnh phải nằm nghỉ  
bao lâu?**

Khi người bệnh khạc ra máu hay màng phổi có nước thì tức-nhiên họ phải nằm. Cũng phải nằm nghỉ nếu bệnh-tình họ không được bớt nhiều hay còn đương trở nặng thêm. Có hai chứng hậu cho biết bệnh đang đi tới hay cơ-thể người bệnh còn yếu lắm là sự gầy- ốm và nhiệt-độ cao.

Hai chứng hậu này hô với ta rằng: « không nên cho bắp thịt và trí não làm việc !

Phải lấy nhiệt-độ trong hậu-môn mới chắc ý, chứ không nên đặt ống-thủy ở nách như người ta thường làm.

**1-) Ống thủy chỉ trên 38 độ, phải nằm hoài trên giường.**

Nếu ống-thủy chỉ trên 38 độ thì người bệnh phải nằm dài trên giường hay ghế bô (giường bô), không nên vận động chi hết, cũng không nên nằm trên ghế xích-đu. Phải nghỉ như cách nói trên, nghỉ một cách hoàn toàn, viên - mãn (repos complet). Nằm như vậy cho tới khi nhiệt-độ xuống. Rửa mặt, liều tiện, cơm nước cũng trong phòng và có người giúp đỡ cho.

Nếu nhấm người tuy sức nóng không trên 38 độ, mà tim đau, thở khó, ốm thêm, ăn uống không được, đồ mồ hôi nhiều quá, mạch nhẩy lẹ, mệt, họ cũng phải nằm nghỉ trên giường như người bệnh có nhiệt-độ lên khỏi 38.

**2-) Ống thủy chỉ từ 37.6 tới 38 độ, phải nằm giường và ghế dài**

Nếu ống thủy chỉ từ 37.6 tới 38 độ, hay nếu dưới bậc ấy, nhưng hễ vận động chút ít thì nhiệt-độ vọt cao, và ăn uống không ngon thì phải nằm nghỉ trên giường. Nhưng

từ 10 giờ sớm mai tới 6 giờ chiều, họ có thể nằm nghỉ trên ghế dài, hoặc nằm mãi trên giường. Mà ghế dài phải cho êm-ái, vừa vận như tôi đã nói trên.

**3-) Dưới 37.6 được phép vận-động.**

Dưới 37.6 và nếu trong mình khỏe, người bệnh có thể mỗi buổi sớm mai đi bộ nửa giờ. Ngoài ra, họ phải nằm nghỉ trên ghế dài hay trên giường. Phải đi bộ chậm trên đường bằng phẳng, không nên lên đèo xuống dốc.

Ai cũng biết, dầu người mạnh cũng vậy, hễ tập thể thao hay đi nhiều thì nhiệt-độ lên. Người bệnh trên đây đi bộ nửa giờ, về tới nhà, phải đặt ống thủy. Nếu, sau khi về, sức nóng không hơn trước khi đi quá một độ hoặc nếu nhiệt-độ ấy trong nửa giờ lại xuống bằng trước khi đi, hay nếu không thấy trong mình mệt nhọc thì người bệnh có thể lần lần đi nhiều hơn nửa giờ mỗi buổi sáng. Không nên đi vào buổi chiều vì buổi chiều tự nhiên họ hay có nhiệt-độ lên.

Còn như sức nóng lên hơn một độ, hoặc, khi đã về, nằm nghỉ trên nửa giờ mà nhiệt độ còn cao hay họ thấy trong mình mệt nhọc, là cơ thể họ chưa chịu nổi sự vận động ấy. Họ phải đi ít hơn hay không nên đi, họ phải nằm nghỉ trên ghế dài.

\*\*\*

Nếu đã hai ba tháng săn sóc theo phép vệ sinh ấy — nghĩa là đi bộ mỗi ngày từ nửa giờ tới một giờ — mà người bệnh coi trong mình có mệt khá hơn, thích đi, đã không thấy mệt, lại nghe khỏe khoắn, khoan khoái, ăn uống ngon, thì lần lần họ được đi nhiều hơn. Đi cho tới ba bốn giờ mỗi ngày — phân ra nhiều lần — rồi họ có

thể tập lần lên dốc và xuống dốc.

Nếu đi nhiều như vậy mà không mệt, nhiệt-độ không lên thì đó là một điềm rất tốt. Định tinh đã thuyên giảm nhiều.

\*\*\*

Như bạn đọc đã rõ, nghỉ ngơi là sự cần thiết nhất cho người bị lao. Thiệt phiền phức, nhưng không có nó thì bệnh khó lành được. Sự vận-động sẽ làm cho bệnh lao nặng hơn, nếu bệnh còn ở trong thời kỳ « chưa chịu đứng lại » (stabiliser), nghĩa là nhiệt-độ còn cao và còn ốm thêm.

Có người lại tưởng rằng dầu bệnh đã thuyên giảm nhiều rồi, họ cũng phải nằm hoài. Không phải vậy. Nếu được người bệnh phải tập vận-động cho cơ-thể làm quen trở lại với sự sống của nhơn-loại. Nhờ sự vận-động dè-dặt, có điều-độ, cơ-thể họ sẽ dựng trảng-kiện, sẽ đủ sức chống cự lại với sự mệt nhọc, và lần lần sẽ trở nên cơ thể của một người mạnh. Và họ sẽ là người mạnh.

**Bác-sĩ LÊ - VĂN - NGÜN**

(Tài liệu rút trong quyển  
**BỆNH HO LAO đang in**)

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có  
**Ấy là cuốn**

## Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn  
Khẩn thờ biền gia phả  
Lại có in sẵn nhiều trang, người  
nào có quyền này chỉ việc điền gia  
phả của nhà mình vào  
Cứ nhận

**Dương Bá-Trạc soạn**

**Giá 0 \$ 40 — Cước 0 \$ 10**

gửi bằng tem (cò) cũng được cho  
hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông  
HANOI

**Bài chỉ hồ núi Ba-bề**

(Tiếp theo trang 13)

**Dịch nôm**

Quanh thành tỉnh Bắc-kạn thuần núi, từng suối chảy chông, lần quanh la-liệt. Tây Bắc tỉnh, hình thế càng lạ; mà chính giữa đẹp nhất, trở nên một nơi đại-quan về sơn-thủy: Ấy là hồ núi Ba-bề vậy.

Cớ sao gọi tên là Ba-bề? Nước hồ liền nhau, như hình con ngựa quý, cho nên đặt tên như vậy. Giữa đột nổi một cái núi nhỏ, gọi là núi Mã-yên-sơn (núi Yên-ngựa), núi có chùa thờ Phật, không biết từ thời-đại nào. Lạ thay! Núi mà nổi danh là nhờ có bề: bề kiếm củi được mà núi thì đánh cá được. Tạo-vật hình như xếp-đặt cảnh đẹp, để dành cho khách du-quan. Đầu hồ có động, trong động có ngôi, phàm tự sông vào hồ, phải rồng thuyền qua khoảng giữa hai vách màn đá. Nước không đời núi, sâu mà phẳng, khuấy-khúc mà sáng sủa; quý-khắc, thần trạm, khéo đến đường nào!

Chỗ này, lúc trước, thuộc về tỉnh Thái-nguyên, châu Bạch-thông; tự sau khi đặt tỉnh lý Bắc-kạn, mới thuộc về châu Chợ-Rã.

Mùa xuân nam ngoài, tôi đến chốn này, lạm giữ chức trách một địa phương, khắp xem núi sông, nhân biết được nơi danh-thắng. Hỏi người thổ-trước,

*Đã có bản***Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ**

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2 \$ 00  
**NHÀ SÁCH NGUYỄN KHÁNH ĐÀM**  
 12, rue Sabourain phát hành  
 Hãy đến Pavillon Information Presse xem « nước Việt Nam cổ » qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bầy

thì một vị cổ lão thuật rằng:

— « Tương truyền: thôn Đầu-đăng xã Nam-môn, một đoạn sông Năng hai bờ rẻo núi, một bờm, núi thỉnh-linh lở, sông bị lấp, nước giồng trên lan-trần, xoáy thành cửa hồ, mà bãi đất xã Nam môn chìm hết! Ấy là việc khoảng niên-hiệu Bảo thái nhà Hậu Lê vậy (trước sau Tây-Lịch 1.100 năm). Cuối đời Lê, 12 vị quận-công danh giặc Tàu là bọn Hoàng Lão Tả, đều tuần tiết ở đó. Nay ở quanh hồ là xã Nam mẫu, có lẽ là dân Nam môn còn sót lại. »

Lại có người bảo tôi rằng:

— « Tương truyền: Thổ dân chỗ này thường đặt hội Lam già, buôn Thần bán Phật để kiếm lợi, dân không được tốt, trời mới ra tai giết bọn sài lang. Sấm động, sét vang, mưa mau, gió dữ, phụt chốc đất sụt, thuần nước mênh mông, núi biến thành bề. Duy có một bà lão hay bốc-thí, may tránh khỏi vạ là nhờ có con giao-long hóa hình người hủi mà bảo trước. Trong hồ có vài cái gò cao, tức là cái giấu cũ của bà lão lánh nạn lúc ấy vậy. »

Nhưng tôi thiết nghĩ: biển dâu biến đổi: hoặc giả là do thiên số xui nên. Câu chuyện trước còn có chứng cứ đủ tin; đến câu chuyện sau, tựa hồ hoang đường. Nhưng khuyên lành răn ác, cũng là cái ý sâu xa mượn thần-đạo để dạy người. Hai chuyện đều cũng đề cả.

Vả lại, biển thủy nước ta, miền này ách-yếu hơn cả; mà những bầy tôi trung-liệt-đời Lê, có ảnh hưởng lớn trên lịch-sử, dấu trước không có bi-ký, không thể tra xét, nhưng đến nay qua tham, còn tưởng thấy cái phong-độ anh-hùng hào-kiệt có thể cùng truyền với hồ núi ấy. Huống chi phong hội ngày

mới, đường xá ngày mở, xưa là tổ trộm cướp, nay là nơi danh thắng, mà danh của hồ càng rõ-rệt trên thế giới. Đó là cái thế thời-vạn xoay đổi, mà cũng là nhờ sức sửa sang của Quốc-gia.

Có điều đáng tiếc là chốn này du-lịch không ít mà đề vịnh thì trước rày không ai! Hay là giang san còn chờ-đợi ru? Ta vì thế mà cảm, cảm thì không thể không nói, nên mới có lời chỉ; chỉ không hết ý, nên lại có thơ:

*Lê, Mạc tranh nhau: sóng đã bình,*

*Khởi mây như cũ, nước hồ xanh.*

*Đừng bàn tang-hải không rồi chuyện,*

*Thấy nơi giao-long có hóa hình.*

*Gươm, ngựa, anh-hùng trơ bãi sạch,*

*Tiền, Rồng sơn-thủy vắng hồn linh.*

*Bên bờ, nay thấy thông vang sóng.*

*Tưởng tiếng năm xưa giặc bỏ mình*

Mùa xuân tháng giêng năm Giáp tí niên hiệu Khải-Định thứ chín. Quang-lộc Tự-thiếu-khanh Án-sát-sứ tỉnh Bắc-kạn, Nam-định Lê Đình Phan-Đình-Hòa nghĩ đề.

Tri-châu châu Chợ-Rã Vi-Văn-Thượng phụng chỉ.

**NHẬT-NHAM dịch**

*Sách mới***TRIẾT HỌC NIETZSCHE**

của **Nguyễn Đình Thi** giá 1p.95  
 Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người  
 Đã phát hành

**TRIẾT HỌC KANT**

156 trang — giá 1 \$ 50  
**VÁNG SAO** của Chê lan Viên  
 trong « Tu sách đẹp » giá 2 \$ 50  
 Nhà xuất bản **VĂN VIỆT**  
 49, Takou — Hanoi

## TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

## ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 7

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Chiều hôm ấy, trên con đường về tỉnh Bắc một chàng vô tướng, đeo kiếm, lể ngựa như bay, đó là Nguyễn-Mại trở về quê thăm mẹ và vợ con. Bụi bốc mịt mù đuổi theo vó ngựa người tráng sĩ.

## III

Bài phú Long trì của Bảo Kim nổi tiếng trong xã-hội văn-chương thời ấy. Các danh sĩ đều thán phục là một thiên cổ kỳ bút. Gần xa ai ai cũng biết đến Bảo-Kim; người ta thì nhau chép cho được bài phú Long-trì, họ đọc họ ngâm họ phê-bình. Nhiều người quá hám-mộ, còn học cả lối chữ thảo của Bảo-Kim để viết bài phú ấy. Thiên-hạ khen là nhà Nguyễn Thị-lang có phúc; họ cho là trời đền công cho vị quan thanh liêm không được hưởng lộc trời, nhất là cho Nguyễn phu-nhân, một bà hiền-mẫu có tấm lòng trung hậu cả kinh-thành đều biết. Họ đoán rằng, với cái tài của Bảo-Kim, chàng sẽ không khó nhọc gì mà giặt giãi khôi nguyên trong kỳ thi sắp tới.

Ngày vậy, thiên hạ vẫn lo sợ ngơm ngớp cho Bảo-Kim. Phu-nhân cũng cùng chung một nỗi sợ. Việc Bảo-Kim cùng anh em đánh lại « cậu Trời » buổi dạ hội ở Long-trì, khắp chốn kinh-kỳ đều biết. Người ta lại lấy làm lạ rằng đã sáu bảy hôm Đặng-Lân không ra khỏi phủ. Thực là một sự quái-gở, vì ai cũng biết em trai Tuyên-phi là một đứa tiểu-nhân không có lẽ nào lại làm ngơ cho bọn Bảo-Kim. Nhiều người đồn rằng Lân sợ Nguyễn-Mại; lắm kẻ cho rằng hễ đương nghĩ một mưu thâm-hiêm gì để hại kẻ thù; có người mạnh đoán lại cho là Đặng-Lân ốm. Lời đoán này làm cho nhiều người nói:

— Thôi thì cũng lấy trời bắt nó ốm cho nó chết đi, để cho nhẹ kiếp dân kinh-thành! Không biết đất

Thăng-long có động ở chỗ nào mà trời sai thành quỷ ấy xuống gieo tai, rắc vạ?

Sự thực thì « cậu Trời » vẫn ở trong phủ huy-hoàng của hắn. Sau khi bị đánh ở Long-trì, Lân dẫn đồ đảng lui thủ về nhà, nghiêng rặng mắt lợi, giận uất lên tới cổ.

Về đến phủ, Lân nằm lăn trên sập, rên-rỉ:

— Thù này không báo được thì đến chết mất mà thôi!

Ba tên hầu thân cận nhất của Lân là Bùi-Đặng, Đào văn Kiên và Hồ trọng Vũ cầm quạt lại quạt cho chủ và ton hót:

— Thưa cậu, cậu hãy nguôi giận, rồi ta sẽ nghĩ kế phục thù.

Lân truyền đem rượu ra uống. Nốc cả một vò rượu tốt, say mềm nằm lả ra, ngáy như sấm. Bùi-Đặng nhanh nhẩu dẫn một lũ con gái vẫn bắt giam dưới nhà đem lên để đấm bóp cho « cậu Trời ».

Lân đang lúc say khướt, bỗng trềng trềng nhìn mọi người bằng cặp mắt ngầu ngầu như mắt chó dại. Hắn cất giọng đầy hơi rượu, hỏi:

Quỳnh Hoa đây ư, em?

— Thưa cậu, em đây mà, Quỳnh Hoa nào?

— Quán chó mà này, ai bảo chúng bay lên? Tao có bảo không mà chúng bay dám tự tiện?

Bùi-Đặng sợ hết hồn thưa:

— Thưa cậu, chúng nó lên để hầu hạ cậu.

— Tao thêm hạ mình để cho lũ bàn tiện ấy được gần ư?

Rồi Lân thét lúc ầm ỹ, trông rất ghê sợ. Chợt gọi:

— Bùi-Đặng! lấy gương cho cậu!

Đặng dạ, dâng gương. Lân cầm lấy. Người con gái thừa thời lúc này kêu lên một tiếng hãi hùng chạy ra

sân thì « cậu Trời » đã sẵn lại, chèn một nhát ngã gục xuống, lấy chân đá cái thày băng ra xa. Hai người con gái trong nhà chết ngất đi vì sợ.

Những sự chém giết ấy không mấy ngày không diễn ra trong phủ Đặng Lân. Con người từu sắc và dâm dật ấy thích cái thú quái gở là giết đàn bà, con gái, sau những khi hành lạc, hay trong những lúc rượu say.

Khi đã làm xong tội ác, Đặng Lân quăng kiếm, cười ha hả, rồi chân nam đá chân chiêu, bước lại sập, lên nằm thản nhiên như không có sự gì xảy ra. Một lát lại ngáy, thỉnh thoảng làm nhảm gọi:

— Quỳnh Hoa quận chúa! Quỳnh Hoa quận chúa!

Bùi-Đặng sai đồ đảng quét tước và đem chôn cái thày ở bên vườn rộng đằng sau. Trời vừa sáng bạch. Đặng thăm thì bảo tên Kiên:

— Cạn cả mê Quận chúa rồi!

— Ăn thua gì, đời nào chúa thuận!

— Biết đâu đấy Có bà Tuyên phi thì không ai nói trước được.

Mãi trưa hôm ấy Đặng Lân mới dậy. Bùi-Đặng dọn tiệc lên rồi cùng bọn vô lại chấp tay dâng hầu, trong khi một người thiếu phụ có nhan sắc đứng chuốc rượu.

« Cậu Trời » hỏi:

— Chúng bay có trông thấy quận-chúa Quỳnh Hoa không?

Bùi-Đặng thưa:

— Thưa cậu, thực là một trang tuyệt sắc!

— Ta ngắm con gái đã nhiều, nhưng chưa bao giờ thấy một người đẹp như thế. Không ngờ Tỉnh đồ Vương lại có con gái đến bậc ấy. Ta được sánh duyên với Quỳnh Hoa thực là thỏa một đời. Chúng bay

bảo ta có lấy được Quỳnh Hoa không?

Đào Văn Kiên đáp:

— Thưa cậu, làm gì mà chẳng được. Tuyên phi chỉ nói một câu là mọi sự phải thành.

— Thế nhờ quận chúa không thuận?

Hồ Trọng Vũ sợ các bạn cướp mất thời, vội nói:

— Thưa cậu, không thuận là thế nào? Chúa thuận thì quận chúa phải thuận. Cậu cứ nói với Tuyên phi đi, thế nào cũng được. Con cam đoan thế.

— Ta e xấu lắm không?

Bùi Đăng nói:

— Cậu mà xấu ư, thưa cậu? Cậu nhún quá! Vả xấu thì làm gì? Em bà Tuyên phi lấy con chúa Tĩnh vương, môn đăng hộ đối, cậu còn phải nghĩ ngợi gì nữa?

— Ta cũng hồi chúng bay thế thôi, chứ con Quỳnh Hoa đã cao quý gì mà ta không lấy được? Ta quyết lấy được nó mới thôi. Được làm chủ bông hoa ấy, mở khóa động đào, kẻ thực là một điều sung sướng nhất đời ta.

Nói tới đây, lấy làm khoái trí, Đặng Lân nốc luôn mấy chén rượu, rồi cầm cả thỏi gà găm nhá, vút xương ừ tung, tay bần chùi cả vào quần áo mình, lại chùi cả vào quần áo người thiếu phụ mà hân ôm trong tay.

Bùi Đăng chột thưa:

— Thưa cậu, thế còn thằng Bảo Kim?

— Giết nó lúc nào chả được. Cả lũ bạn nó, cũng không tha một đứa nào. Con mẹ nó không răn dạy nó, cũng giết nốt.

— Thưa cậu thế còn thằng đeo kiếm?

— Chúng bay ngu nên không biết. Giá cứ để cho chúng bay đánh lũ Bảo Kim thì tên đeo kiếm nó đến giết tao. Nó là thằng Nguyễn Mai. Nó theo quan quân đánh chúa Nguyễn ở phương Nam. Chúa Tĩnh đó vẫn có ý muốn giết họ Nguyễn, nên

việc đánh Phú xuân chúa đề ý lắm. Thằng Nguyễn Mai có công lớn trong trận ấy, nên chúa Tĩnh đó rất yêu. Nhưng yêu ta bảo cũng phải giết. Không giết không được cho mà xem... Nó khỏe lắm đấy, tinh thông cả thập bát ban võ nghệ, quán Nguyễn sợ lắm, gọi là hồ tương. Chúng bay trêu vào nó thì mất xác ngay. Vì thế ta chịu nhịn nó. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Vài hôm nữa, ta nói với chị ta, thì nó lại bị bêu đầu sớm. Hồng hách với ai chứ với « cậu Trời » thì chỉ có chết.

Bùi Đăng nói:

— Chúng con xin cậu nói với Tuyên phi giết cho được lũ Nguyễn Mai và Bảo Kim đi, để rửa cái nhục ở Long trì.

— Có khó gì!

Chiều hôm ấy, Đặng Lân sai thằng ngựa, vào phủ chúa tìm Đặng Tuyên phi. Phủ chúa tuy là nơi nghiêm mật, nhưng Đặng Lân được đặc quyền ra vào tự do, không ai dám cản trở.

Chúa Tĩnh đó bận việc ở nhà nghị sự. Trong cung, duy còn có Đặng Tuyên phi. Hai chị em gặp nhau mừng mừng rỡ rỡ...

Tuyên phi hỏi:

— Đã nửa tháng nay, chị thấy mặt em, chị định mặt ra thăm, không ngờ em lại đến.

Đặng Lân thưa:

— Thưa chị, em độ này bận lắm.

— Bận cái gì? — Tuyên phi vừa nói vừa âu yếm nhìn em — chị thấy nói em độ này làm nhiều điều phi pháp lắm. Em nên liệu đấy, kẻo quá lắm chị cũng không bênh được nữa.

— Chị dạy, em xin theo. Nhưng em có làm chi gọi là phi pháp? Chị đừng nghe người ta mà oan cho em. Vả, em cũng không muốn bóng lóng nữa, em muốn định bề gia thất, chị giúp em nhé.

— Chị đã mấy lần khuyên em về việc này, em không nghe, nay em đã biết nghĩ, thực là phúc cho họ Đặng nhà ta. Mẹ mất sớm. Cha hiếm hoi, chỉ có em là trai. Hai mươi

năm, hai mươi sáu tuổi đầu, vẫn chưa có vợ, cật lóng bóng thì bao giờ cha có cháu ăm?

— Thưa chị, chính vì thế mà em nghĩ đến nhân duyên.

— Em đã thuận nơi nào chưa?

— Đã, nhưng cũng khó lắm. Đám này, phi chị giúp cho thì không sao thành được.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

## Hội cựu sinh viên các trường thầy đồng tại Bắc kỳ

(L. T. S. — Bản chỉ nhận được tờ đặt sau này xin vui lòng đăng nguyên văn).

Chúng tôi định đến ngày chủ nhật 24 Janvier 1943 tới đây, đúng chín (9) giờ sáng sẽ họp Đại-Hội Đồng-Thường-Niên tại khách sạn ORIENTAL số 38 Phố hàng Bông Hanoi.

Sau khi Đại-Hội-Đồng sẽ có một bữa tiệc thân mật để anh em các tỉnh họp mặt.

Mỗi bạn dự tiệc xin đóng hai đồng rưỡi (2\$50) và gửi lại cùng biên tên tại bạn Thủ-quỹ, Mai Văn Hàm, 121 phố Julien Blanc Hanoi.

Chúng tôi mong các bạn đã học qua một trường thầy đồng (Hanoi, Haiphong Nam-dinh Phát-Diệm, Bùi chu vân vân...) dù đã vào Hội hay chưa, biên tên dự tiệc cho đồng để anh em có dịp cùng nhau tỏ tình thân ái.

Thư từ xin viết vào bạn Nguyễn-Đa-Phúc 37 Ngõ Hàng Hành hay bạn Đỗ Huy Nhiệm ở Conservation des Hypothèques Hanoi.

Xin các bạn biên tên và đóng tiền trước ngày 20 Janvier 1943 để tiện chúng tôi sửa soạn trước.

Ban Trị-sự Lâm-thời kính đặt

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

**Nguyễn Du**

VA

**Truyện Kiều**

—♦—

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tân Đà, Yên Đồ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Kháng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3\$50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12\$ đến 50\$: ai muốn mua hỏi:

**HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC**

71, Phố Tiên Tsìn, Hanoi

**NGÔ TẤT TỐ****THI VĂN BÌNH CHÚ**

Đã xuất - bản quyền I

Giá bán: 0\$80

15 Décembre sẽ ra quyền II

Mua sách xin, gửi tiền trước, cả cước 0\$30  
cho Nhà xuất - bản TÂN - DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

**RÊ! HAY! ĐẸP!**

đó là 3 cái đặc - điểm các sách của thư - xã

**Alexandre de Rhodes**

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—\*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

**Nhà in MAI-LINH — Hanoi**

Tổng phát-hành

**MỜI XUẤT BÀN****KIM - VÂN - KIỀU**

Theo bản Pháp văn của ông Neuvier-vân-Vinh 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4\$00 mới có lãi mà loại giấy thường bán có 2\$00 (cước 0\$54) Loại đặc biệt 7\$00 (cước 0\$60)

**Lược-khảo Việt-Nam**

Một bài khảo cứu có giá trị của ông Lê-vân-Nam đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0\$50 (cước 0\$32). Loại đặc biệt 4\$00 (cước 0\$47) **SẴN XUẤT BÀN**

**Thơ Ngu ngôn**

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VÂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1\$00 (cước 0\$40). Loại đặc biệt bán có 5\$00 (cước 0\$54)

**NHỮNG SÁCH CỦA****Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- 1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (I) 1p. 25
- 2) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 2p. 50
- 3) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 3p. 50
- 4) Phật lục, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
- 5) De Hanoi à la Courline Phạm duy-Khiêm 1p. 50

**ĐANG TÁI BẢN**

Nho giáo, Trần trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin gửi trước.

1— Các giáo sư mua 1 người quyền trở lên có trừ 15%.